

**BỘ TƯ PHÁP**  
**BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP LÝ LIÊN NGÀNH**  
**DÀNH CHO DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2020**

**GIẢI THỂ và PHÁ SẢN**  
**DOANH NGHIỆP**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý**



**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**



## **GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH 585**

### **Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2015 - 2020 (Chương trình 585)**

Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp (Chương trình 585) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

#### **Ban Quản lý Chương trình 585**

Trưởng ban: Ông Phan Chí Hiếu – Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Phó Trưởng ban: Ông Nguyễn Thanh Tú – Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp.

Các Thành viên Ban Quản lý: Lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp; Lãnh đạo Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp; Lãnh đạo Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp; Lãnh đạo Cục Công nghệ - Thông tin, Bộ Tư pháp; Lãnh đạo Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp,

#### **Tổ Thư ký Chương trình 585**

Tổ trưởng: Ông Trần Minh Sơn – Trưởng phòng, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp;

Phó Tổ trưởng: Bà Trịnh Thị Thúy Nga - Phó Trưởng phòng, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp

## **TẬP THỂ TÁC GIẢ BIÊN SOẠN**

Luật sư Lê Anh Văn

Ths. Nguyễn Thị Thanh Bình

Luật sư Lê Văn Nhật

Luật sư Lê Thị Thu

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm qua Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, môi trường đầu tư kinh doanh không ngừng được cải thiện. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp Việt Nam có sự phát triển nhanh chóng cả về chất lượng và số lượng. Tuy nhiên, bên cạnh những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, thì cũng có một số doanh nghiệp do tác động bởi các yếu tố khách quan của nền kinh tế thị trường, năng lực nội tại yếu kém khiến doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển, khi đó thua lỗ tất yếu sẽ xảy ra và khiến doanh nghiệp phải quyết định giải thể hoặc phá sản để rút lui khỏi thị trường.

Thực hiện Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 với mục tiêu nâng cao nhận thức, thói quen tuân thủ pháp luật, trong đó có pháp luật về giải thể và phá sản doanh nghiệp, đồng thời nhằm trang bị cho chủ doanh nghiệp và các chủ thể có quyền, lợi ích liên quan các quy định pháp luật về điều kiện, trình tự, thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu phá sản doanh nghiệp; qua đó giúp doanh nghiệp, các chủ thể có quyền và lợi ích liên quan quyết định lựa chọn phương án giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp đảm bảo đúng quy định pháp luật và hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp giữa các bên liên quan với thủ tục nhanh chóng, tiết kiệm và linh hoạt. Vì vậy, Ban quản lý Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và Phát triển nguồn nhân lực xuất bản cuốn sách “Giải thể và phá sản doanh nghiệp, những vấn đề cần lưu ý”.

Cuốn sách này được biên soạn trên cơ sở các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Phá sản 2014 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành và các tình huống vướng mắc doanh nghiệp thường gặp phải trong quá trình tiến hành giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp.

Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và Phát triển nguồn nhân lực xin chân thành cảm ơn Ban quản lý Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp đã hỗ trợ kinh phí để Trung tâm xây dựng tài liệu này.

Trung tâm chịu trách nhiệm về nội dung của cuốn sách, chịu trách nhiệm về quyền tác giả và rất mong nhận được sự đóng góp của độc giả để cuốn sách hoàn thiện hơn trong các lần xuất bản tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

**PHẦN I**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**  
**VỀ GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP**  
**I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

**1. Khái niệm giải thể doanh nghiệp**

***1.1. Quy định trong Luật Doanh nghiệp 2014***

Giải thể doanh nghiệp là việc chấm dứt sự tồn tại của một doanh nghiệp theo ý chí của doanh nghiệp hoặc của cơ quan có thẩm quyền. Khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định cụ thể về các trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục giải thể như sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.”

***1.2. Quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020***

Quy định về các trường hợp giải thể doanh nghiệp tại khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 tiếp tục được kế thừa giữ nguyên và quy định tại điểm d khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020.

**2. Đặc điểm giải thể doanh nghiệp**

Thứ nhất, nguyên nhân dẫn đến giải thể doanh nghiệp rất đa dạng, song về cơ bản những nguyên nhân này phụ thuộc ý chí chủ quan của chủ doanh nghiệp. Các nguyên nhân này được thể hiện thông qua quy định về các trường hợp doanh nghiệp giải thể.

Thứ hai, điều kiện để cơ quan có thẩm quyền cho phép giải thể doanh nghiệp: một doanh nghiệp chỉ được phép giải thể khi doanh nghiệp đó bảo đảm và thực sự thanh toán hết các khoản nợ và thanh lý hết mọi hợp đồng đã ký kết. Điều này có nghĩa là, doanh nghiệp giải thể trước

khi tiến hành chấm dứt sự tồn tại của mình trên thị trường phải hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính, khoản nợ mà doanh nghiệp đã xác lập với các bên liên quan. Đây là một điều kiện tiên quyết, để cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc giải thể của doanh nghiệp.

Thứ ba, hậu quả pháp lý: giải thể doanh nghiệp sẽ dẫn tới việc loại trừ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chấm dứt tư cách pháp lý của doanh nghiệp trên thương trường bằng cách xóa tên trong sổ đăng ký kinh doanh.

Thứ tư, chế tài pháp lý đối với chủ doanh nghiệp và người chịu trách nhiệm quản lý điều hành doanh nghiệp: giải thể không đặt ra vấn đề hạn chế, cấm đảm đương chức vụ điều hành doanh nghiệp hoặc cấm thực hiện một số hoạt động kinh doanh đối với chủ doanh nghiệp và người chịu trách nhiệm quản lý điều hành doanh nghiệp.

Thứ năm, thủ tục giải thể tuy có thể là tự nguyện song vẫn là một thủ tục mang tính chất hành chính do cơ quan hành chính chấp thuận trong quá trình giám sát việc giải thể doanh nghiệp (cơ quan đăng ký kinh doanh). Mục đích của hoạt động chấp chính là nhằm đảm bảo lợi ích của các chủ nợ của doanh nghiệp.

## **II. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP**

### **1. Khái niệm phá sản doanh nghiệp và mất khả năng thanh toán**

#### ***1.1. Phá sản***

Ở Việt Nam, có nhiều thuật ngữ được sử dụng như: phá sản, vỡ nợ, khánh tận... Từ điển tiếng Việt định nghĩa từ “phá sản” là lâm vào tình trạng tài sản chẳng còn gì và thường là vỡ nợ do kinh doanh bị thua lỗ, thất bại; “vỡ nợ” là lâm vào tình trạng bị thua lỗ, thất bại liên tiếp trong kinh doanh, phải bán hết tài sản mà vẫn không đủ để trả nợ. Như vậy, trong cách hiểu thông thường, khái niệm phá sản là để chỉ cho một sự việc đã rồi, sự việc “phải bán hết tài sản mà vẫn không đủ trả nợ”

Về mặt pháp lý, khoản 2 Điều 4 Luật Phá sản 2014 đã đưa ra định nghĩa “Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản”. Khái niệm này đã tiếp cận phá sản dưới góc độ là một quyết định của tòa án chứ không phải là quá trình ban hành ra quyết định đó (thủ tục phá sản).

#### ***1.2. Mất khả năng thanh toán***



Khoản 2 Điều 4 Luật Phá sản 2014 quy định “Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”.

Như vậy, Luật Phá sản 2014 không còn dùng khái niệm “*lâm vào tình trạng phá sản*” mà dùng khái niệm “*mất khả năng thanh toán*”, và nội hàm của khái niệm mất khả năng thanh toán được xác định cụ thể, rõ ràng hơn, có nhiều điểm khác biệt so với Luật Phá sản 2004. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, tiêu chí xác định mất khả năng thanh toán là “không thực hiện nghĩa vụ thanh toán” mà không phải là “không có khả năng thanh toán”.

Thứ hai, thời điểm được xác định là trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán mà không phải là “khi chủ nợ có yêu cầu”.

Bản chất của “tình trạng mất khả năng thanh toán” là việc con nợ không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của mình. Về cơ bản, khi con nợ ngừng trả nợ thì coi như là đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán và lúc đó, các chủ nợ đã có cơ sở pháp lý để làm đơn yêu cầu tòa án thụ lý và giải quyết vụ việc phá sản

Lưu ý về xác định doanh nghiệp mất khả năng thanh toán: Doanh nghiệp A nợ một phần giá trị hợp đồng vận chuyển của doanh nghiệp B để chuyển hàng hóa kinh doanh, theo thỏa thuận sau khi vận chuyển doanh nghiệp A phải thanh toán hoàn tất giá trị hợp đồng cho công ty B. Tuy nhiên, đã hơn 3 tháng mà doanh nghiệp A vẫn chưa thanh toán được. Vậy trong trường hợp này, doanh nghiệp A được xem là mất khả năng thanh toán. Tuy nhiên, việc xác định doanh nghiệp A mất khả năng thanh toán lưu ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, khoản nợ của doanh nghiệp A với doanh nghiệp B là khoản nợ không có bảo đảm. Nếu khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp không thanh toán được là khoản nợ có bảo đảm thì đây không được coi là dấu hiệu của việc doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Như vậy, khoản nợ để xác định doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là khoản nợ không có bảo đảm và khoản nợ có bảo đảm một phần.

Thứ hai, khoản nợ mà doanh nghiệp A nợ doanh nghiệp B là một phần của hợp đồng vận chuyển. Pháp luật không quan tâm đến khoản nợ nhiều hay ít mà quan tâm đến thời hạn thanh toán để xác định doanh

nghiệp mất khả năng thanh toán. Theo đó, trong khoảng thời gian 3 tháng kể từ khi nợ đến hạn mà không thanh toán sẽ xác định mất khả năng thanh toán.

Thứ ba, khoản nợ mà doanh nghiệp A nợ doanh nghiệp B là do chuyên chở hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh hợp pháp của mình. Do đó, khoản nợ được coi là mất khả năng thanh toán là khoản nợ mà chủ doanh nghiệp tạo ra từ hoạt động kinh doanh hợp pháp của mình.

Thứ tư, khoản nợ mà doanh nghiệp A không trả cho doanh nghiệp B không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp A không có tài sản. Pháp luật chỉ quan tâm đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

## **2. Đặc điểm phá sản doanh nghiệp**

Thứ nhất, trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, các chủ nợ không thể tự xé lẻ để đòi nợ riêng cho mình mà tất cả họ đều phải được tập hợp lại thành một chủ thể pháp lý duy nhất, gọi là Hội nghị chủ nợ. Hội nghị chủ nợ đại diện cho tất cả các chủ nợ để tham gia vào việc giải quyết phá sản.

Thứ hai, phá sản không chỉ nhằm đến mục đích đòi nợ mà còn chú trọng đến việc giúp đỡ để con nợ có thể phục hồi hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, sau khi Tòa án mở thủ tục phá sản thì tùy thuộc vào khả năng phục hồi của doanh nghiệp và quyết định của Hội nghị chủ nợ, doanh nghiệp bị nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có thể được áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh. Nếu không được áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, khi đó doanh nghiệp sẽ bị đề nghị tuyên bố phá sản. Quá trình giải quyết phá sản, Tòa án tham gia vào hầu hết các thủ tục giải quyết phá sản, từ ra quyết định mở thủ tục phá sản đến giám sát hoạt động của các doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, rà soát, xem xét phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, xử lý tài sản của doanh nghiệp có tranh chấp.

## **III. PHÂN BIỆT GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP**

### **1. Giống nhau**

- Thứ nhất, doanh nghiệp chấm dứt sự hoạt động sau khi giải thể hoặc phá sản.

- Thứ hai, bị thu hồi con dấu và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Thứ ba, doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ tài sản, thanh toán các khoản nợ khi thực hiện thủ tục giải thể, phá sản.

## **2. Khác nhau**

### **2.1. Về pháp luật điều chỉnh**

- Giải thể: thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (từ ngày 01/01/2021 thực hiện theo Luật Doanh nghiệp 2020)

- Phá sản: thực hiện theo quy định Luật Phá sản 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **2.2. Về người có quyền, yêu cầu nộp đơn**

- Giải thể: chủ doanh nghiệp, hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty, Đại hội đồng cổ đông, tất cả thành viên hợp danh.

- Phá sản: chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần, người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định.

### **2.3. Về nơi thực hiện thủ tục**

- Giải thể: thủ tục hành chính thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, nộp hồ sơ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Phá sản: thủ tục tư pháp thực hiện theo Luật Phá sản, nộp hồ sơ giải quyết tại Tòa án.

### **2.4. Về trình tự, thủ tục thực hiện**

- Giải thể: thực hiện tuần tự theo các bước gồm:

- + Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp;
- + Tổ chức thanh lý tài sản;
- + Gửi quyết định giải thể doanh nghiệp đến các cơ quan, tổ chức liên quan;
- + Thông báo tình trạng doanh nghiệp;
- + Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;
- + Gửi đề nghị giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Phá sản: thực hiện theo các bước:
  - + Nộp đơn và nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
  - + Thương lượng rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
  - + Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do thương lượng không thành;
  - + Quyết định mở thủ tục phá sản khi có căn cứ để mở;
  - + Tổ chức Hội nghị chủ nợ;
  - + Tòa án tuyên bố công ty phá sản;
  - + Thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

### ***2.5. Về thứ tự thanh toán***

- Giải thể: thực hiện thanh toán theo thứ tự sau:
  - + Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - + Nợ thuế;
  - + Các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

- Phá sản: thực hiện thanh toán theo thứ tự sau:
  - + Chi phí phá sản;
  - + Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

+ Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

Sau khi thanh toán xong, phần còn lại sẽ được chia cho chủ doanh nghiệp (chủ doanh nghiệp tư nhân; chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên; thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên, cổ đông của công ty cổ phần; thành viên của công ty hợp danh).

## ***2.6. Về hậu quả pháp lý***

- Giải thể: bị xóa tên doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp.

- Phá sản: tuyên bố phá sản, chấm dứt hoạt động, xóa thông tin doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện thành công phương án phục hồi hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp được tiếp tục hoạt động.

## ***2.7. Hạn chế đối với người quản lý doanh nghiệp sau khi chấm dứt hoạt động***

- Giải thể: không hạn chế.

- Phá sản: người giữ chức vụ Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ đó ở bất kỳ doanh nghiệp nhà nước nào kể từ ngày doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản.

Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước.

Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản mà cố ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật Phá sản thì Thẩm phán xem xét, quyết định về việc không được quyền thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản, cụ thể các vi phạm sau:

+ Vi phạm thực hiện yêu cầu của Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật về phá sản;

+ Không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán;

+ Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau: cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản; thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 49 của Luật Phá sản 2014; từ bỏ quyền đòi nợ; chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp.

*Lưu ý:* Hạn chế trên không áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp phá sản với lý do bất khả kháng.

## **PHẦN II**

### **GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

#### **I. CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

##### **1. Các trường hợp giải thể doanh nghiệp**

Theo Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 (Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020), có hai hình thức giải thể doanh nghiệp, là giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc.

Giải thể tự nguyện là quyền của nhà đầu tư đối với việc rút lui khỏi thị trường kinh doanh, một trong các nhóm quyền của quyền tự do kinh doanh, gồm các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 (điểm a, b khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020).

Giải thể bắt buộc do yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về doanh nghiệp do doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện luật định, gồm các trường hợp được quy định tại điểm c, d Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 (điểm c, d Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020).

##### ***1.1. Giải thể tự nguyện***

*1.1.1. Giải thể khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn*

Trường hợp điều lệ công ty có quy định về thời hạn hoạt động, khi hết thời hạn hoạt động được ghi trong điều lệ công ty, nếu các thành viên không muốn xin gia hạn hoạt động, thì công ty phải tiến hành giải thể. Việc quy định thời hạn hoạt động của doanh nghiệp có thể do thỏa thuận của các thành viên, cổ đông sáng lập, hoặc do sự cấp phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

##### *1.1.2. Giải thể theo quyết định của chủ doanh nghiệp*

Trong trường hợp này doanh nghiệp giải thể theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông với công ty cổ phần.

Quyết định giải thể này thể hiện sự tự nguyện của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp của mình. Việc chủ doanh nghiệp không muốn tiếp tục

kinh doanh có thể bắt nguồn từ những lý do khác nhau, chẳng hạn như lợi nhuận thấp, thua lỗ kéo dài, có mâu thuẫn nội bộ, không còn phù hợp với mục đích kinh doanh đề ra ban đầu và nhiều yếu tố khác. Trong trường hợp này, chủ doanh nghiệp có thể đi đến quyết định giải thể doanh nghiệp để thu hồi vốn hoặc chuyển sang kinh doanh những loại hình doanh nghiệp khác với những chủ thể khác. Đây là quyết định hoàn toàn mang tính tự nguyện và chủ động của chủ doanh nghiệp.

## ***1.2. Giải thể bắt buộc***

### ***1.2.1. Giải thể khi doanh nghiệp không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu trong thời hạn 06 tháng liên tục***

Có đủ số lượng thành viên tối thiểu là một trong những điều kiện để công ty tồn tại và hoạt động. Pháp luật quy định số lượng thành viên tối thiểu cho mỗi loại hình công ty khác nhau. Số lượng thành viên tối thiểu theo quy định đối với công ty cổ phần là ba, con số này là hai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên. Đối với công ty hợp danh, pháp luật quy định phải có ít nhất hai cá nhân là thành viên hợp danh. Khi không có đủ số lượng thành viên tối thiểu để tiếp tục tồn tại, công ty phải kết nạp thêm thành viên cho đủ số lượng thành viên tối thiểu. Nếu trong thời hạn 6 tháng liên tục mà công ty không tiến hành kết nạp thêm thành viên khi số lượng thành viên không đủ hoặc không chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp phù hợp, thì công ty phải tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp.

### ***1.2.2. Giải thể khi công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp***

Khoản 2 Điều 203 Luật Doanh nghiệp 2014 (khoản 2 Điều 209 Luật Doanh nghiệp 2020) quy định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể doanh nghiệp. Để thành lập doanh nghiệp, người thành lập phải chuẩn bị hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trên cơ sở hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, ghi nhận sự ra đời, công nhận về mặt pháp lý sự xuất hiện của doanh nghiệp trên thị trường. Có thể nói, Giấy chứng nhận đăng ký



doanh nghiệp chính là tấm giấy “thông hành” để doanh nghiệp có thể tiến hành các hoạt động của mình trên thị trường cũng như xác lập các quan hệ pháp lý với cơ quan nhà nước. Do vậy, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng có nghĩa là Nhà nước rút lại sự công nhận tư cách chủ thể kinh doanh đối với doanh nghiệp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp không còn được công nhận về địa vị pháp lý và không còn được tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Có thể thấy, các trường hợp giải thể doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Doanh nghiệp 2020 đã khái quát khá cụ thể, giúp doanh nghiệp có thể chủ động nắm bắt khi nào thì được tiến hành giải thể.

## **2. Điều kiện giải thể doanh nghiệp**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 (khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020) thì doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 (điểm d khoản 1 Điều 207) cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

**Tình huống:** Công ty A là Công ty TNHH 1 thành viên. Do hoạt động kinh doanh không hiệu quả, Công ty muốn làm thủ tục giải thể để thành lập công ty mới nhưng còn một khoản nợ 200.000.000 đồng với một nhà cung cấp chưa thanh toán.

### **Hỏi:**

Trong trường hợp này Công ty A có giải thể được không?

### **Trả lời:**

Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định điều kiện giải thể doanh nghiệp như sau: *“Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp”*. Theo đó, điều kiện giải thể của doanh nghiệp là:

+ Thuộc các trường hợp được tiến hành giải thể

- + Bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác
- + Không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài

Công ty của A hiện vẫn còn khoản nợ trị giá 200.000.000 đồng và chưa có khả năng thanh toán. Do vẫn còn khoản nợ chưa thanh toán nên trong trường hợp này công ty A không thể tiến hành thủ tục giải thể được, mà chỉ có thể giải thể công ty sau khi thanh toán hết các khoản nợ cũng như không còn các nghĩa vụ về tài chính khác (như các khoản thuế chưa nộp).

Trong trường hợp này, nếu vẫn muốn chấm dứt hoạt động kinh doanh do làm ăn thua lỗ sau đó thành lập công ty mới, thì Công ty A có thể xem xét chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp theo thủ tục phá sản. Tuy nhiên, đối với thủ tục phá sản, người giữ chức vụ quản lý doanh nghiệp có thể bị hạn chế quyền thành lập doanh nghiệp nếu có các hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014.

**Bài học pháp lý từ tình huống:** Các quy định về giải thể doanh nghiệp không chỉ tạo cơ sở pháp lý để chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp, mà quan trọng hơn là còn bảo vệ quyền lợi của những chủ thể có liên quan, đặc biệt là quyền lợi của chủ nợ và người lao động khi doanh nghiệp chấm dứt tồn tại. Do vậy, việc xác định rõ điều kiện để tiến hành giải thể doanh nghiệp là hết sức cần thiết.

Vấn đề mấu chốt trong giải thể doanh nghiệp là giải quyết những khoản nợ và những hợp đồng mà doanh nghiệp đã giao kết trước khi chấm dứt tồn tại. Các khoản nợ và hợp đồng này có thể được thực hiện bằng các giải pháp như: doanh nghiệp tiến hành thanh toán hết các khoản nợ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ hợp đồng; chuyển giao nghĩa vụ thanh toán nợ và nghĩa vụ hợp đồng cho chủ thể khác theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan.

Như đã nói ở trên, giải thể doanh nghiệp có hai trường hợp là giải thể tự nguyện hoặc giải thể bắt buộc. Nhưng cho dù là giải thể tự nguyện hay giải thể bắt buộc thì điều kiện đặt ra là doanh nghiệp phải đảm bảo thanh toán được các nghĩa vụ tài chính của mình. Nếu vi phạm điều kiện này thì chủ doanh nghiệp, các thành viên, cổ đông công ty sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới về khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.

## **II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

### **1. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp**

Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp được quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 59 Nghị định 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Giữa giải thể doanh nghiệp tự nguyện và giải thể doanh nghiệp bắt buộc có một số điểm khác nhau, cụ thể như sau:

#### ***1.1. Đối với trường hợp giải thể tự nguyện***

*Bước 1:* Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp (khoản 1 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014; khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020)

Để có thể tiến hành giải thể doanh nghiệp, trước hết doanh nghiệp cần tổ chức họp để thông qua quyết định giải thể. Theo đó, việc giải thể phải được thông qua bởi chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, bởi Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bởi Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần và bởi các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh.

Quyết định này thể hiện sự nhất trí của các thành viên về các vấn đề liên quan đến lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ; phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động và việc thành lập tổ thanh lý tài sản.

Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; lý do giải thể; thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Nội dung sửa đổi, bổ sung trong Luật Doanh nghiệp 2020 liên quan đến Quyết định giải thể doanh nghiệp: Điểm đ khoản 1 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định trong Quyết định giải thể của doanh nghiệp phải có nội dung “*Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*”. Tuy nhiên, thực tế có trường hợp chủ doanh nghiệp muốn

giải thể nhưng người đại diện theo pháp luật vắng mặt hoặc không ký vào Quyết định giải thể khiến doanh nghiệp không thực hiện được thủ tục giải thể. Để khắc phục bất cập này, điểm đ khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020 đã sửa đổi nội dung trên như sau “*Họ, tên, chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty, chủ tịch Hội đồng thành viên, chủ tịch Hội đồng quản trị*”.

*Bước 2: Thông báo công khai quyết định giải thể*

Sau khi quyết định giải thể được thông qua, doanh nghiệp phải thông báo cho những người có quyền và lợi ích liên quan đến hoạt động giải thể doanh nghiệp biết về quyết định giải thể. Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

*Bước 3: Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của công ty*

Khoản 2 và khoản 5 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014 (khoản 2 và khoản 5 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020) quy định về người tổ chức thanh lý tài sản và thứ tự thanh toán nợ. Theo đó, chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau: (1) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; (2) Nợ thuế; (3) Các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ thể doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty.

Theo điểm c khoản 1 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014 thì thời hạn thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể. Việc thanh toán các khoản nợ là rất phức tạp, vì cần phải quy định một trình tự phù hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của những người liên quan.

Nội dung sửa đổi, bổ sung trong Luật Doanh nghiệp 2020 liên quan đến thời hạn thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp: điểm c khoản 1 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định trong Quyết định giải thể của doanh nghiệp phải có nội dung “*Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể*”. Tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định không chế “*thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể*”, theo đó quy định rút gọn lại là “*thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp*”

#### *Bước 4: Nộp hồ sơ giải thể*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 203 Luật Doanh nghiệp 2014 thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp cũng được quy định cụ thể tại Điều 204 Luật này.

*Bước 5: Cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*

Khoản 8 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014 (khoản 8 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020) quy định việc giải thể doanh nghiệp thực hiện theo hai phương thức:

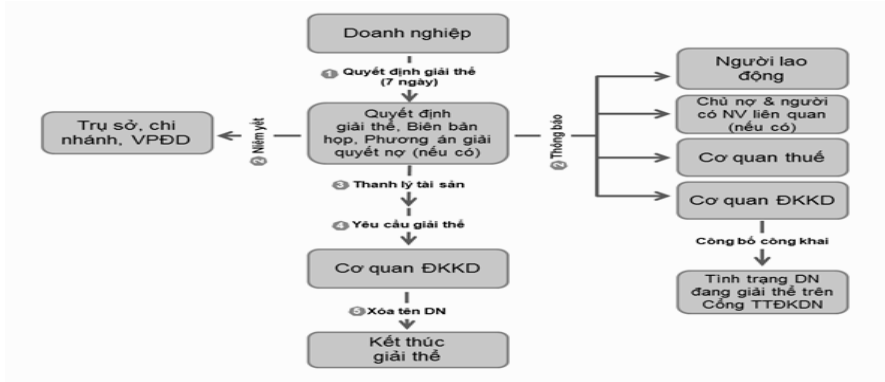
- Trường hợp giải thể theo hồ sơ, Điều 59 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định sau khi nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp giải thể tự động, sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể doanh nghiệp mà không nhận phản đối của

bên có liên quan bằng văn bản, cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi cơ quan thuế sẽ phải khẩn trương thực hiện thủ tục quyết toán thuế cho doanh nghiệp.

### Sơ đồ quy trình giải thể doanh nghiệp



### 1.2. Đối với trường hợp giải thể bắt buộc

Giải thể bắt buộc là trường hợp doanh nghiệp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo Quyết định của Tòa án quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp 2014 (Điều 209 Luật Doanh nghiệp 2020). Việc giải thể doanh nghiệp trong trường hợp này được thực hiện theo trình tự các bước như sau:

*Bước 1:* Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo còn phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án.

*Bước 2:* Ra quyết định giải thể và gửi quyết định này đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và công khai quyết định này

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để ra quyết định giải thể. Doanh nghiệp phải gửi quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh của doanh nghiệp. Trong một số trường hợp mà pháp luật có yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

*Bước 3: Tổ chức thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ*

*Bước 4: Nộp yêu cầu giải thể doanh nghiệp*

*Bước 5: Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*

Các bước 3, bước 4, bước 5 nội dung thực hiện tương tự như trường hợp giải thể tự nguyện

## **2. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp 2014, hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ sau:

- Thông báo về giải thể doanh nghiệp;
- Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
- Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh

nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người nêu trên phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Nội dung sửa đổi, bổ sung trong Luật Doanh nghiệp 2020 liên quan đến hồ sơ giải thể doanh nghiệp: Điều 210 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm các loại giấy tờ gồm: thông báo giải thể doanh nghiệp; báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có); con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, Điều 210 Luật Doanh nghiệp 2020 đã sửa lại theo hướng đơn giản hơn, bỏ quy định hồ sơ giải thể phải có con dấu, giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có) và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

### **3. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể**

Điều 205 Luật Doanh nghiệp 2014 (Điều 211 Luật Doanh nghiệp 2020) quy định kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:

- Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể doanh nghiệp;
- Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- Huy động vốn dưới mọi hình thức.



Việc quy định các hành vi bị cấm nêu trên là nhằm ngăn chặn phát sinh thêm quyền và nghĩa vụ dẫn đến làm giảm khả năng trả nợ của doanh nghiệp, đồng thời, hạn chế việc doanh nghiệp tẩu tán tài sản, trốn tránh các nghĩa vụ với các đối tác trong quá trình hoạt động, gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

**Tình huống:** Công ty B có ký hợp đồng mua bán nguyên liệu sản xuất với công ty A, công ty B đã chuyển số hàng hóa như trong thỏa thuận hợp đồng cho công ty A và gửi hóa đơn yêu cầu công ty A thanh toán tiền hàng. Tuy nhiên, sau đó công ty B nhận được thông báo công ty A đã tiến hành thủ tục giải thể.

**Hỏi:**

Công ty B có đòi được số tiền hàng mà công ty A chưa thanh toán không?

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định “Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp

Một doanh nghiệp chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản, doanh nghiệp bị chia trong trường hợp chia tách lại doanh nghiệp. Trong đó, giải thể doanh nghiệp là việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp theo ý chí của doanh nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền với điều kiện doanh nghiệp phải đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 về các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

Các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp giải thể phải tuân theo thứ tự pháp luật quy định, cụ thể tại khoản 5 Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014 như sau:

“5. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác”.

Như vậy, một trong những điều kiện bắt buộc để doanh nghiệp được giải thể là doanh nghiệp đó phải đảm bảo đủ khả năng thanh toán hết tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Vậy thì, trước tiên, để chắc chắn thông tin công ty A đã giải thể là đúng sự thật, Công ty B cần đến Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh nơi công ty A đặt trụ sở để làm rõ thông tin trên. Trường hợp công ty A chưa giải thể mà chỉ là thông tin sai sự thật do công ty A đưa ra để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ, khi đó công ty có quyền khởi kiện tới Tòa án cấp quận/huyện nơi công ty A đặt trụ sở chính để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp trên thực tế, công ty A đã giải thể mà trên thực tế vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ hợp đồng với công ty B, có nghĩa là công ty A đã có hành vi cố tình không kê khai đầy đủ các khoản nợ chưa thanh toán khi làm hồ sơ giải thể nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Do vậy, hồ sơ giải thể của công ty A không đảm bảo tính trung thực và tính chính xác theo quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 204 Luật Doanh nghiệp 2014 về hồ sơ giải thể doanh nghiệp:

“2. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 2 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh”.

Trong trường hợp này, người quản lý, đứng đầu công ty A phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thực hiện thanh toán nghĩa vụ hợp đồng cho công ty B. Và trong thời hạn 05 năm kể từ ngày công ty A nộp hồ sơ giải thể, công ty B hoàn toàn có thể yêu cầu một trong những cá nhân trên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

### **Bài học pháp lý từ tình huống:**

+ Đối với doanh nghiệp giải thể: Doanh nghiệp giải thể cần lưu ý khi tiến hành giải thể cần phải kê khai hồ sơ trung thực, chính xác; đặc biệt là các nội dung liên quan đến thực hiện nghĩa vụ số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động. Trường hợp doanh nghiệp đã giải thể nhưng sau đó phát hiện hồ sơ giải thể doanh nghiệp nộp không trung thực, che giấu việc phải thực hiện các nghĩa vụ tài sản thì thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật khi tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan yêu cầu giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

+ Đối với tổ chức, cá nhân (chủ nợ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) khi phát hiện doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể mà có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ thì cần gửi ngay văn bản và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh đề nghị tạm dừng giải quyết hồ sơ giải thể của doanh nghiệp do doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết; đồng thời cần nộp Đơn yêu cầu tuyên bố doanh nghiệp phá sản tới Tòa án nơi doanh nghiệp có trụ sở để giải quyết theo quy định Luật Phá sản 2014. Trong quá trình thụ lý Đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản, quyền lợi của các chủ nợ, người lao động sẽ được giải quyết thông qua Hội nghị chủ nợ.

## **III. LƯU Ý KHI GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

### **1. Lưu ý về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**

Trước khi giải thể doanh nghiệp cần rà soát lại xem doanh nghiệp mình có đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hay địa điểm kinh doanh

hay không. Nếu có, trước khi thực hiện thủ tục giải thể, doanh nghiệp cần phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Thủ tục giải thể doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh là hai thủ tục khác nhau. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh có thể được thực hiện mặc dù doanh nghiệp không giải thể nhưng nếu doanh nghiệp phải giải thể thì thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh là bắt buộc và cần phải thực hiện trước.

## **2. Lưu ý về hoàn thành các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán trước khi làm thủ tục giải thể doanh nghiệp**

Thủ tục giải thể doanh nghiệp cần tuân theo đúng quy định để nhanh chóng giải quyết. Chủ doanh nghiệp cần nắm rõ chỉ khi nào thanh toán hết các khoản nợ thì doanh nghiệp đó mới có thể thực hiện giải thể. Những khoản nợ sẽ thanh toán theo thứ tự cần thiết, ưu tiên như sau:

- Khoản thanh toán nợ lương, trợ cấp và bảo hiểm xã hội cho người lao động ký kết hợp đồng với doanh nghiệp. Thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ với người lao động;

- Khoản nợ thuế và nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo đúng quy định;

- Những khoản nợ khác, khoản nợ với chủ nợ và đối tác làm ăn.

## **3. Hoàn thành nghĩa vụ thuế**

Doanh nghiệp phải hoàn tất những nghĩa vụ tại cơ quan thuế Nhà nước. Đặc biệt, thực hiện các thủ tục khóa mã số thuế trước khi nộp hồ sơ giải thể tại đơn vị đặt trụ sở đăng ký kinh doanh. Nếu không hoàn thành các nghĩa vụ thuế cho nhà nước thì sẽ không thể hoàn thành giải thể doanh nghiệp.

Nếu đăng ký xuất nhập khẩu thì doanh nghiệp cần xin xác nhận không nợ thuế xuất, nhập khẩu ở Tổng cục Hải quan trước. Nếu không, khi nộp hồ sơ trên cơ quan thuế, cơ quan thuế cũng sẽ không tiếp nhận hồ sơ.

Sau khi nộp hồ sơ công bố quyết định giải thể và lấy xác nhận không nợ thuế xuất nhập khẩu, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ xin chấm

dứt hiệu lực mã số thuế tại Chi cục thuế quản lý theo quy định tại Thông tư 95/2016/TT-BTC. Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (bản gốc); hoặc công văn giải trình mất Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế;
- Quyết định giải thể;
- Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu.

#### **4. Lưu ý về trả con dấu**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 59 Nghị định 78/2015/NĐ-CP, đối với doanh nghiệp sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an để được cấp giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu.

**Tình huống:** Công ty B là Công ty TNHH 2 thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tháng 01/2020. Tuy nhiên, trong thời gian qua do công ty chưa hoạt động nên công ty không thực hiện kê khai thuế.

#### **Hỏi:**

- (1) Công ty B muốn giải thể thì cần làm những thủ tục gì ?
- (2) Công ty B có phải nộp phạt thuế do không thực hiện kê khai thuế không ?

#### **Trả lời:**

##### **1. Về điều kiện giải thể doanh nghiệp**

Căn cứ khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về điều kiện giải thể công ty như sau: “2. *Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.*”.

Như vậy, công ty B muốn giải thể thì phải đáp ứng đủ các điều kiện:

- Thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản

- Tại thời điểm giải thể không có tranh chấp gì tại Tòa án hay cơ quan Trọng tài

## 2. Về thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp

Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 59 Nghị định 78/2015/NĐ-CP, cụ thể thông qua các nội dung sau:

- Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, doanh nghiệp gửi thông báo về việc giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo phải có quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có); Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Sau khi nhận được hồ sơ giải thể của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc doanh nghiệp đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của doanh nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan thuế, đồng thời ra Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.

Hồ sơ giải thể công ty TNHH 2 thành viên trở lên gồm: Thông báo về việc giải thể; Biên bản họp và Quyết định của Hội đồng thành viên về việc giải thể doanh nghiệp; Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán các khoản nợ về thuế và nợ bảo hiểm xã hội (nếu có); Danh sách người lao động hiện có và quyền lợi người lao động đã được giải quyết (nếu có); Xác nhận của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản về việc doanh nghiệp đã tắt toán tài khoản (trường hợp chưa mở tài khoản tại ngân hàng, thì có văn bản cam kết chưa mở tài khoản và không nợ tại

bất kỳ ngân hàng, tổ chức cá nhân nào); Giấy tờ chứng minh doanh nghiệp đã đăng bố cáo giải thể theo quy định; Thông báo của Cơ quan Thuế về việc đóng mã số thuế (trường hợp chưa đăng ký thuế thì phải có văn bản xác nhận của Cơ quan Thuế); Giấy chứng nhận của Cơ quan Công an về việc doanh nghiệp đã nộp, huỷ con dấu theo quy định (đối với con dấu do Công an cấp); Báo cáo về việc thực hiện thủ tục giải thể, trong đó có cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, giải quyết các quyền lợi hợp pháp của người lao động

3. Về các mức phạt khi chậm nộp hồ sơ khai thuế và báo cáo tài chính.

Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp như sau:

*“2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.*

*3. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật”.*

Vì vậy, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, dù công ty chưa phát sinh hoạt động kinh doanh thì công ty vẫn phải có nghĩa vụ nộp tờ khai và đóng thuế môn bài và nộp tờ khai các loại thuế khác theo đúng thời hạn pháp luật qui định. Do chưa thực hiện bất cứ thủ tục nào với cơ quan thuế, nên công ty có thể bị xử phạt đối với các hành vi sau:

*a) Xử phạt đối với hành vi nộp chậm tờ khai lệ phí môn bài*

“1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ đăng ký thuế hoặc thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ.

2. Phạt tiền 700.000 đồng, nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 400.000 đồng hoặc có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 1.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đăng ký thuế hoặc thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 30 ngày (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Phạt tiền 1.400.000 đồng, nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 800.000 đồng hoặc có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp hồ sơ đăng ký thuế hoặc thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế quá thời hạn quy định trên 30 ngày.

b) Không thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

c) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp”.

(Điều 7 Thông tư số 166/2013/TT-BTC)

Công ty B cần xác định được thời hạn nộp tờ khai, để biết được số ngày chậm nộp Tờ khai thuế. Số ngày chậm nộp sẽ được tính từ ngày liền kề sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp tờ khai.

*b) Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nộp và công khai báo cáo tài chính*

Nghị định số 41/2018/NĐ-CP quy định về mức xử phạt vi phạm báo cáo về tài chính như sau:

+ Mức phạt không nộp báo cáo tài chính:

“Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không công khai báo cáo tài chính theo quy định”

(Theo khoản 4, Điều 12 Nghị định 41/2018/NĐ-CP)

+ Mức phạt chậm nộp báo cáo tài chính:

“1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm dưới 03 tháng so với thời hạn quy định;

b) Công khai báo cáo tài chính chậm dưới 03 tháng so với thời hạn quy định.



2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đính kèm báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính;

c) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm từ 03 tháng trở lên so với thời hạn quy định;

**Bài học pháp lý từ tình huống:** Trên thực tế, có một số doanh nghiệp thành lập nhưng vì lý do nào đó không có hoạt động sản xuất/kinh doanh, không phát sinh doanh thu, vì vậy doanh nghiệp đó cho rằng sẽ không phải thực hiện các nghĩa vụ kê khai, nộp thuế cho cơ quan thuế. Tuy nhiên, doanh nghiệp thành lập nhưng thực tế chưa hoạt động cần lưu ý giữa nghĩa vụ kê khai thuế và nghĩa vụ nộp thuế do không phát sinh doanh thu là hai vấn đề khác nhau. Cách hiểu doanh nghiệp không hoạt động, không phát sinh doanh thu thì không phải kê khai thuế là không đúng quy định pháp luật, bởi nghĩa vụ kê khai thuế hàng quý và nghĩa vụ nộp báo cáo tài chính hàng năm là nghĩa vụ bắt buộc của doanh nghiệp dù doanh nghiệp có hoạt động hay không hoạt động, có phát sinh hay không phát sinh doanh thu (trừ doanh nghiệp siêu nhỏ không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính). Doanh nghiệp cũng cần lưu ý, dù doanh nghiệp có hoạt động hay không hoạt động thì lệ phí môn bài hàng năm vẫn phải nộp tùy theo vốn điều lệ/vốn đầu tư của doanh nghiệp. Do vậy, nếu doanh nghiệp không kê khai thuế, nộp báo cáo tài chính, lệ phí môn bài thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Thông tư số 166/2013/TT-BTC và Nghị định 41/2018/NĐ-CP. Thực tế, có trường hợp doanh nghiệp thành lập nhưng không hoạt động một thời gian dài và khi nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì không đủ điều kiện giải thể do vi phạm pháp luật về thuế, có những doanh nghiệp do thấy số tiền nộp phạt lớn, không đủ tiền để nộp phạt, khắc phục hậu quả nên đã không thể tiến hành giải thể doanh nghiệp được.

Vì vậy, để tránh rủi ro về thuế trong trường hợp doanh nghiệp đã thành lập nhưng chưa có kế hoạch hoạt động cụ thể thì nên thực hiện thủ tục tạm ngừng kinh doanh trong thời gian doanh nghiệp chưa hoạt động.

Với thủ tục này thì doanh nghiệp không phát sinh các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thuế. Tuy nhiên thời gian tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật có thời gian tối đa là 1 năm và được gia hạn 1 lần không quá 1 năm, tổng cộng thời gian tạm ngừng liên tiếp không được quá 2 năm. Việc thông báo tạm ngừng kinh doanh không làm mất các trách nhiệm về thuế đã phát sinh trước đó (nếu có) và sau khi hết thời gian tạm ngừng nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp vẫn phát sinh như bình thường.

## PHẦN III. PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Theo quy định tại Điều 5 Luật Phá sản 2014, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp bao gồm 5 nhóm đối tượng sau:

- Thứ nhất, chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

+ *Chủ nợ không có bảo đảm* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba.

+ *Chủ nợ có bảo đảm* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba.

- Thứ hai, người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

- Thứ ba, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

- Thứ tư, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

- Thứ năm, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định.

## **2. Thẩm quyền giải quyết phá sản**

Theo quy định tại Điều 8 Luật Phá sản 2014, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết phá sản, bao gồm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) và Tòa án nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện), cụ thể thẩm quyền được xác định như sau:

### **2.1. Thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp tỉnh**

Tòa án nhân dân tỉnh có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hợp tác xã tại tỉnh đó và thuộc một trong các trường hợp sau:

- Vụ việc phá sản có tài sản ở nước ngoài hoặc người tham gia thủ tục phá sản ở nước ngoài;

+ Tài sản ở nước ngoài là tài sản được xác định theo quy định của Bộ luật dân sự ở ngoài lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

+ Người tham gia thủ tục phá sản ở nước ngoài gồm: cá nhân không có mặt tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; pháp nhân không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc không có người đại diện theo quy định của pháp luật tại Việt Nam vào thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau;

- Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có bất động sản ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau;

- Vụ việc phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh lấy lên để giải quyết do tính chất phức tạp của vụ việc.

Vụ việc phá sản có tính chất phức tạp là vụ việc không thuộc một trong các trường hợp nêu trên và doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Có từ trên 300 (ba trăm) lao động trở lên hoặc có vốn điều lệ từ trên 100.000.000.000 (một trăm tỷ đồng) trở lên;

+ Là tổ chức tín dụng; doanh nghiệp, hợp tác xã cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích; doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật;

+ Là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Có khoản nợ được Nhà nước bảo đảm hoặc có liên quan đến việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, văn bản thỏa thuận về đầu tư với cơ quan, tổ chức nước ngoài;

+ Có giao dịch bị yêu cầu tuyên bố là vô hiệu theo quy định tại Điều 59 của Luật Phá sản.

## ***2.2. Thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp huyện***

Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đó và không thuộc trường hợp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

**Tình huống:** Công ty TNHH TH có 2 thành viên là bà T và bà H, mỗi người góp 4.000.000.000 đồng vốn điều lệ, có trụ sở tại quận TX, thành phố HN. Sau 5 năm thua lỗ, đến nay Công ty TH không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn là 25.000.000.000 đồng mặc dù các chủ nợ đã yêu cầu nhiều lần. Vì vậy, có chủ nợ đã nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tất cả chủ nợ của công ty TH đều có trụ sở hoặc cư trú tại HB. Công ty không nợ người lao động và các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

### **Hỏi:**

(1) Đối tượng nào có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty TNHH TH?

(2) Tòa án nào có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản đối với công ty TH?

(3) Trong số các chủ nợ có:

- Ngân hàng thương mại cổ phần M. Khoản nợ của TH với ngân hàng M là 7.000.000.000 đồng và có tài sản thế chấp trị giá 8.000.000.000 đồng.

- Công ty N với số nợ là 1.000.000.000 đồng (cả gốc và lãi) và tài sản đảm bảo trị giá 500.000.000 đồng.

- Công ty L là nhà cung cấp vật tư với số nợ là 500.000.000 đồng (cả gốc và lãi) và không có tài sản đảm bảo.

- Công ty TH bị áp dụng thủ tục thanh lý, bị tuyên bố phá sản và doanh nghiệp N được thanh toán 800.000.000 đồng. Vậy công ty L và ngân hàng M được thanh toán bao nhiêu?

### **Trả lời:**

1. Đối tượng có quyền nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty TH

Đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản công ty TH là các chủ nợ không có bảo đảm hoặc các chủ nợ có bảo đảm một phần. Do công ty không nợ lương người lao động nên người lao động không có quyền nộp đơn kiện phá sản.

2. Tòa án nào có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản

Khoản 2 Điều 8 Luật Phá sản 2014 quy định “Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đó và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này”

Công ty TH có trụ sở ở quận TX, không có chi nhánh, văn phòng đại diện ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau; không có bất động sản ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 thì Tòa án có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản công ty TH là TAND cấp quận nơi công ty có trụ sở chính, tức là Tòa án nhân dân quận TX.

### 3. Phân chia tài sản khi doanh nghiệp phá sản

#### 3.1. *Lập luận các bên trong quá trình giải quyết tại Tòa án*

- Công ty L cho rằng Hợp đồng kinh tế giữa công ty L và công ty TH ký trước Hợp đồng kinh tế của công ty N, khoản nợ công ty TH nợ Công ty L phát sinh trước công ty N. Do vậy công ty L phải được ưu tiên thanh toán trước toàn bộ công ty N và Ngân hàng M. Công ty L đề nghị Tòa án phân chia tài sản (bao gồm cả tài sản bảo đảm và tài sản không có bảo đảm) theo thứ tự ưu tiên khoản nợ phát sinh trước, nếu tài sản còn sau khi phân chia cho công ty L thì mới được phân chia tiếp cho các chủ nợ còn lại theo thời điểm khoản nợ phát sinh.

Công ty N và Ngân hàng M cho rằng khoản nợ của Công ty TH đối với Công ty N và Ngân hàng M là khoản nợ có tài sản bảo đảm. Vì vậy, yêu cầu sử dụng chính tài sản bảo đảm mà Công ty N và Ngân hàng M (bên nhận bảo đảm) để thanh toán riêng khoản nợ cho Công ty N và Ngân hàng M theo từng tài sản bảo đảm. Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán, đề nghị được thanh toán tiếp trong quá trình thanh lý các tài sản còn lại của Công ty TH

- Công ty TH đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản cho các chủ nợ theo đúng quy định pháp luật.

#### 3.2. *Quyết định giải quyết tại Tòa án*

- Doanh nghiệp nợ bị nợ 1.000.000.000 đồng,

Căn cứ Điều 53 và Điều 54 Luật Phá sản 2014 thì việc phân chia tài sản được thực hiện như sau:

- Giá trị tài sản còn lại (không thuộc tài sản bảo đảm cho các chủ nợ) của Công ty TH sau khi thanh lý và đã thanh toán chi phí phá sản, các chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tại Tòa án là: 600.000.000 đồng. Vì vậy, các chủ nợ của Công ty TH được thanh toán theo giá trị sau:

- Công ty N là chủ nợ có tài sản bảo đảm một phần được thanh toán 500.000.000 đồng từ tài sản nhận bảo đảm và 50% giá trị tài sản còn lại sau khi thanh lý là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền được thanh toán là 800.000.000 đồng

- Công ty L là chủ nợ không có tài sản bảo đảm được thanh toán 50% giá trị tài sản còn lại sau khi thanh lý là 300.000.000 đồng.

- Ngân hàng M được thanh toán đủ 7.000.000.000 đồng từ tài sản xử lý với giá trị còn lại là 7.000.000.000 đồng sau khi trừ đi các chi phí xử lý tài sản.

### **Bài học pháp lý từ tình huống:**

+ Đối với chủ nợ: Khi phát hiện doanh nghiệp bị nợ không có khả năng thanh toán hoặc có khả năng thanh toán nhưng cố tình trì hoãn thanh toán hoặc không có thiện chí sẽ thanh toán, thì cần sớm khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Tùy khả năng thanh toán của doanh nghiệp hoặc mức độ thiện chí của doanh nghiệp nợ mà doanh nghiệp chủ nợ có thể nộp Đơn khởi kiện thanh toán nợ theo quy trình tố tụng dân sự hoặc nộp Đơn yêu cầu tuyên bố phá sản để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Doanh nghiệp cần lưu ý, trong quá trình ký kết, thực hiện Hợp đồng cần lưu giữ đầy đủ bản gốc các Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ (nếu có) và các tài liệu, chứng cứ có liên quan chứng minh số tiền doanh nghiệp nợ còn nợ để cung cấp cho Tòa án làm căn cứ giải quyết

+ Đối với doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản: Doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố mở thủ tục phá sản cần lưu ý, nếu doanh nghiệp có khả năng trả nợ thì không nên để khoản nợ quá thời hạn 3 tháng kể từ thời điểm khoản nợ đến hạn. Nếu để quá thời hạn 3 tháng có thể sẽ bị chủ nợ nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, kéo theo hệ quả nhiều chủ nợ khác cũng gửi Giấy đòi nợ, khi đó sẽ ảnh hưởng lớn tới uy tín, hình ảnh và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm mất niềm tin nơi đối tác, khách hàng.

Trường hợp doanh nghiệp thật sự đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nhưng vẫn có khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, đồng thời xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh để Hội nghị chủ nợ xem xét, quyết định.

Trường hợp doanh nghiệp thật sự đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, tình hình kinh doanh thua lỗ kéo dài và không có khả năng phục hồi hoạt động kinh doanh thì cần sớm chủ



động nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản vì doanh nghiệp càng dễ tình trạng thua lỗ, mất khả năng thanh toán kéo dài thì số tiền lỗ, nợ lãi sẽ càng lớn và khi đó thiệt hại doanh nghiệp sẽ càng lớn hơn. Đối với doanh nghiệp này, việc sớm nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản sẽ giúp doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường nhanh hơn, từ đó tạo cơ hội cho chủ doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản tái cơ cấu lại thông qua một doanh nghiệp mới và sớm tham gia thị trường trở lại khi cơ hội đến.

### **3. Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật phá sản**

#### ***3.1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản***

Quản tài viên là cá nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản là doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản. Theo quy định tại Điều 16 Luật Phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quản lý tài sản, giám sát hoạt động kinh doanh, thanh lý tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, gồm:

+ Xác minh, thu thập, quản lý tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

+ Lập bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ;

+ Bảo quản tài sản; ngăn chặn việc bán, chuyển giao tài sản mà không được phép của Thẩm phán; ngăn chặn việc tẩu tán tài sản; tối đa hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã khi bán, thanh lý tài sản;

+ Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Được thuê cá nhân, tổ chức thực hiện công việc theo quy định của pháp luật;

+ Đề xuất với Thẩm phán về việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phá sản;

+ Bán tài sản theo quyết định của Thẩm phán để bảo đảm chi phí phá sản;

+ Tổ chức việc định giá, thanh lý tài sản theo quy định của Luật này; báo cáo cơ quan thi hành án dân sự, thông báo đến người tham gia thủ tục phá sản có liên quan về việc giao cho cá nhân, tổ chức thực hiện thanh lý tài sản;

+ Gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản do Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền mở tại ngân hàng.

- Đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không có người đại diện theo pháp luật.

- Báo cáo về tình trạng tài sản, công nợ và hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tham gia xây dựng kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

- Đề nghị Thẩm phán tiến hành các công việc sau:

+ Thu thập tài liệu, chứng cứ;

+ Tuyên bố giao dịch vô hiệu và quyết định thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị bán hoặc chuyển giao bất hợp pháp;

+ Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; áp dụng biện pháp xử phạt hành chính; chuyển hồ sơ sang cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng thù lao và thực hiện trách nhiệm bảo hiểm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo yêu cầu của Thẩm phán, cơ quan thi hành án dân sự; chịu trách nhiệm trước Thẩm phán, cơ quan thi hành án dân sự và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

### ***3.2. Cơ quan thi hành án dân sự***

Theo quy định tại Điều 17 Luật Phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, quyết định tuyên bố phá sản và các quyết định khác theo quy định của Luật Phá sản.

- Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện việc định giá, thanh lý tài sản; thực hiện việc thanh lý tài sản trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 121 của Luật Phá sản .

- Giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo việc thanh lý tài sản.

- Đề xuất Tòa án nhân dân thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong quá trình thực hiện việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại Điều 46 của Luật Phá sản .

- Phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định của Tòa án nhân dân.

- Quyết định kết thúc việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

### ***3.3. Người tham gia thủ tục phá sản***

Người tham gia thủ tục phá sản là chủ nợ; người lao động; doanh nghiệp mất khả năng thanh toán; cổ đông, nhóm cổ đông; người mắc nợ của doanh nghiệp và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết phá sản. Theo quy định tại Điều 18 Luật Phá sản, người tham gia thủ tục phá sản có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Thực hiện yêu cầu của Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật về phá sản.

- Cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết phá sản.

- Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình để giao nộp cho Tòa án nhân dân.

- Đề nghị Thẩm phán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ mà tự mình không thể thực hiện được hoặc trưng cầu giám định, định giá, thẩm định giá tài sản; đề nghị Thẩm phán quyết định kiểm toán doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; đề nghị Thẩm phán triệu tập người làm chứng.

- Được biết và ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do người tham gia thủ tục phá sản khác xuất trình hoặc do Thẩm phán thu thập.

- Đề nghị áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Tham gia Hội nghị chủ nợ.

- Đề nghị thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 46 của Luật này.

- Đề nghị Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bổ sung chủ nợ, người mắc nợ vào danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ.

- Đề xuất với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về việc thu hồi các khoản tiền, tài sản của người mắc nợ.

- Phải có mặt theo yêu cầu của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, giấy triệu tập của Tòa án nhân dân và chấp hành các quyết định của Tòa án nhân dân trong quá trình giải quyết phá sản.

- Tham gia vào việc quản lý, thanh lý tài sản theo yêu cầu của Thẩm phán, cơ quan thi hành án dân sự, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Đề nghị xem xét lại quyết định của Tòa án nhân dân theo quy định của Luật Phá sản .

- Trường hợp cá nhân tham gia thủ tục phá sản chết thì người thừa kế hợp pháp của họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều này.

### ***3.4. Quyền, nghĩa vụ người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản***

Theo quy định tại Điều 19 Luật Phá sản, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 18 của Luật Phá sản .

- Đề xuất với Tòa án nhân dân tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi mở thủ tục phá sản.

- Nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

- Việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải trung thực.

### **3.5. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán**

Theo quy định tại Điều 20 Luật Phá sản, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 18 của Luật Phá sản.

- Được đưa ra ý kiến về việc chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Phải thông báo công khai về quyết định mở thủ tục phá sản ngay sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản.

## **4. Phí và chi phí trong thủ tục phá sản**

### **4.1. Lệ phí phá sản**

Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải nộp lệ phí phá sản theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án nhân dân. Trường hợp người nộp đơn quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 105 của Luật Phá sản không phải nộp lệ phí phá sản.

### **4.2. Chi phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản**

- Chi phí phá sản được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

- Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải nộp tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 105 của Luật Phá sản, cụ thể các trường hợp:

+ Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở.

+ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản

- Tòa án nhân dân giao cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán một số tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả

năng thanh toán để bảo đảm chi phí phá sản. Việc định giá, định giá lại và bán tài sản được thực hiện theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của pháp sản.

- Tòa án nhân dân quyết định mức tạm ứng chi phí phá sản, mức chi phí phá sản trong từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật và quyết định việc hoàn trả tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Phá sản.

### ***4.3. Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản***

Chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được tính dựa trên thời gian, công sức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

## **II. NỘP ĐƠN VÀ THỦ LÝ ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN**

### **1. Soạn thảo Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

#### ***1.1. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ***

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Ngày, tháng, năm;
- + Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản;
- + Tên, địa chỉ của người làm đơn;
- + Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bị yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- + Khoản nợ đến hạn.

*Lưu ý:* Kèm theo đơn phải có chứng cứ để chứng minh khoản nợ đến hạn.

- Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

#### ***1.2. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của người lao động, đại diện công đoàn***

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của người lao động, đại diện công đoàn phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Ngày, tháng, năm;

- + Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản;
- + Tên, địa chỉ của người làm đơn;
- + Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- + Tổng số tiền lương và các khoản nợ khác đã đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không trả cho người lao động.

Lưu ý: Kèm theo đơn phải có chứng cứ để chứng minh lương và các khoản nợ khác đến hạn.

- Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Kể từ ngày nộp đơn, người lao động, đại diện công đoàn có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ theo quy định của Luật Phá sản.

### ***1.3. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán***

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Ngày, tháng, năm;
- + Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản;
- + Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- + Tên, địa chỉ của người làm đơn;
- + Căn cứ yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu sau:

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất. Trường hợp doanh nghiệp được thành lập và hoạt động chưa đủ 03 năm thì kèm theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong toàn bộ thời gian hoạt động;

+ Bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh nghiệp, hợp tác xã mà vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán;

- + Bảng kê chi tiết tài sản, địa điểm có tài sản của doanh nghiệp;

+ Danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, trong đó phải ghi rõ tên, địa chỉ của chủ nợ, người mắc nợ, khoản nợ, khoản cho vay có bảo đảm, không có bảo đảm, có bảo đảm một phần đến hạn hoặc chưa đến hạn;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp;

+ Kết quả thẩm định giá, định giá giá trị tài sản còn lại (nếu có).

- Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Những người theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 5 của Luật Phá sản không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp có thiệt hại phát sinh sau thời điểm doanh nghiệp mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra, thì phải bồi thường.

#### ***1.4. Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần***

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần phải có các nội dung chủ yếu sau:

+ Ngày, tháng, năm;

+ Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản;

+ Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Tên, địa chỉ của người làm đơn;

+ Căn cứ yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gửi kèm các tài liệu (nếu có), cụ thể:

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất. Trường hợp doanh nghiệp được thành lập và hoạt động chưa đủ 03 năm thì kèm theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong toàn bộ thời gian hoạt động;

+ Bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh



nghiệp, hợp tác xã mà vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán;

+ Bảng kê chi tiết tài sản, địa điểm có tài sản của doanh nghiệp;

+ Danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, trong đó phải ghi rõ tên, địa chỉ của chủ nợ, người mắc nợ, khoản nợ, khoản cho vay có bảo đảm, không có bảo đảm, có bảo đảm một phần đến hạn hoặc chưa đến hạn;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp;

+ Kết quả thẩm định giá, định giá giá trị tài sản còn lại (nếu có).

- Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

## **2. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

- Người có yêu cầu mở thủ tục phá sản phải nộp đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền bằng một trong các phương thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân;

+ Gửi đến Tòa án nhân dân qua bưu điện.

- Ngày nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được tính từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

## **3. Xử lý, thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét đơn yêu cầu và xử lý theo một trong các trường hợp sau:

- *Trường hợp 1:* Nếu đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản về việc nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi nhận được biên lai nộp lệ phí phá sản, biên lai nộp tạm ứng chi phí phá sản. Trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản thì thời điểm thụ lý được tính từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ.

- *Trường hợp 2:* Nếu đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không đủ các nội dung quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28 hoặc Điều 29 của Luật Phá sản thì Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn sửa đổi, bổ sung đơn. Thời hạn sửa đổi, bổ sung do Tòa án nhân dân ấn định, nhưng không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày người nộp đơn nhận được thông báo; trường hợp đặc biệt, Tòa án nhân dân có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày.

- *Trường hợp 3:* Nếu vụ việc phá sản không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhận đơn thì Tòa án sẽ chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khác.

- *Trường hợp 4:* Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tòa án quyết định trả lại Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong các trường hợp sau:

(1) Người nộp đơn không đúng theo quy định tại Điều 5 của Luật Phá sản (người nộp đơn không có quyền nộp đơn);

(2) Người nộp đơn không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 34 của Luật này;

(3) Tòa án nhân dân khác đã mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

(4) Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Phá sản ;

(5) Người nộp đơn không nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

#### **4. Thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán**

Cơ chế thương lượng là biện pháp hữu hiệu để giúp các bên giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp. Việc thương lượng thành có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế, xã hội. Tại thời điểm trước khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản có quyền thương lượng với người yêu cầu mở thủ tục phá sản không phải với tất cả các chủ nợ. Trong trường hợp các bên không thống nhất đề nghị Toà án tạo điều kiện để các bên thương lượng về việc

giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo quy định của Luật Phá sản. Trong trường hợp thương lượng thành công bên yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Việc thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán được thực hiện như sau

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có quyền đề nghị bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân để các bên thương lượng việc rút đơn.

Tòa án nhân dân ấn định thời gian thương lượng nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ.

- Trường hợp các bên thỏa thuận được với nhau về việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Tòa án nhân dân trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Trường hợp thương lượng không thành hoặc hết thời hạn thương lượng mà các bên không tiến hành thương lượng thì Tòa án nhân dân thông báo cho người nộp đơn nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của Luật này.

*Lưu ý:* Việc thương lượng của các bên không được trái với quy định của pháp luật về phá sản.

### **III. MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN**

#### **1. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thẩm phán phải ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (trừ trường hợp quy định tại Điều 105 của Luật Phá sản), theo đó:

- Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm phán có thể triệu tập phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

- Tòa án nhân dân ra quyết định không mở thủ tục phá sản nếu xét thấy doanh nghiệp, hợp tác xã không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán. Trong trường hợp này, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được trả lại tiền tạm ứng chi phí phá sản; yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản đã bị tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 41 của Luật Phá sản được tiếp tục giải quyết

## **2. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản**

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

- Ngay sau khi nhận được đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân đã ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp giải quyết.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị và gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Tòa án nhân dân chuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải trả lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trả lại, Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị. Tổ Thẩm phán có quyền ra một trong các quyết định sau:

+ Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

+ Hủy quyết định không mở thủ tục phá sản và giao cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản;

+ Hủy quyết định mở thủ tục phá sản và thông báo cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định mở thủ tục phá sản và những người tham gia thủ tục phá sản.

**Tình huống:** Ngày 08/06/2018, Công ty G nộp Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương với lý do Công ty I nợ Công ty G số tiền 1.435.012,90 USD. Theo hợp đồng số GSSG-GE-20160328-TCI-01 ngày 28/3/2016 thì ngày thanh toán cuối cùng số nợ trên là ngày 31/12/2017, nhưng đã quá hạn 03 tháng mà Công ty I vẫn chưa thanh toán nợ.

Tại Quyết định số 01/QĐ-KMTTPS ngày 21 tháng 02 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ vào Điều 9, Điều 22, các khoản 2, 5, và 6 Điều 42, các khoản 2 và 3 Điều 43 và Điều 44 của Luật Phá sản 2014 quyết định không mở thủ tục phá sản đối với Công ty I (địa chỉ: Tổ 4, khu phố K1, phường K2, thị xã U, tỉnh Bình Dương). Vì vậy, ngày 01/03/2019 Công ty G đã nộp Đơn đề nghị yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại Quyết định số 01/QĐ-KDTTPS của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Quyết định không mở thủ tục phá sản với Công ty I) với lý do nếu không mở thủ tục phá sản sẽ tạo điều kiện cho Công ty I có thêm thời gian chiếm dụng vốn, tẩu tán tài sản và kéo dài thời gian trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của Công ty G.

**Hỏi:** Đơn đề nghị xem xét lại xem xét lại Quyết định số 01/QĐ-KDTTPS của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương của Công ty G có căn cứ không?

## **QUAN ĐIỂM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO VÀ QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **1. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Đơn đề nghị xem xét lại Quyết định số 01/QĐ-KDTTPS của Công ty G tại phiên của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Viện kiểm sát đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận Đơn đề nghị xem xét lại Quyết định không mở thủ tục phá sản của Công ty G,

giữ nguyên Quyết định không mở thủ tục phá sản số 01/QĐ-KMTTPS ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

**2. Nhận định và quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp giải quyết Đơn đề nghị xem xét lại Quyết định số 01/QĐ-KDTTPS.**

### **2.1. Nhận định của Tòa án**

Công ty G nhận được Quyết định không mở thủ tục phá sản vào ngày 22/02/2019. Ngày 01/3/2019, công ty G có Đơn đề nghị xem xét lại Quyết định không mở thủ tục phá sản là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Phá sản, nên đủ điều kiện để xem xét giải quyết.

Ngày 08/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được đơn đề nghị của Công ty G về việc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty I, với lý do: Công ty I nợ Công ty G số tiền 1.435.012,90 USD. Theo hợp đồng số GSSG-GE-20160328-TCI-01 ngày 28/3/2016 thì ngày thanh toán cuối cùng số nợ trên là ngày 31/12/2017, nhưng đã quá hạn 03 tháng mà Công ty I vẫn chưa thanh toán nợ.

Hồ sơ vụ án thể hiện: giữa Bên bán, Polar Light International Limited và Công ty I với Bên mua Công ty G có kí kết Hợp đồng số GSG-GE-20160328-TCI-01 ngày 28/3/2016. Tại Điều 5 của Hợp đồng qui định: “Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên trong hoặc liên quan đến Hợp đồng này hoặc đối với việc vi phạm Hợp đồng sẽ được giải quyết chung thẩm bằng phân xử của Trọng tài tại Việt Nam theo qui tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và sẽ được phân xử bằng tiếng Anh. Quyết định của (các) trọng tài viên sẽ là chung thẩm và ràng buộc các bên liên quan, và các bên nhất trí thi hành quyết định như là phán quyết của các Tòa án có thẩm quyền”.

Đối chiếu với nội dung của Hợp đồng nêu trên, giữa các bên có sự ràng buộc thỏa thuận về phương thức giải quyết tranh chấp, nên hiện nay tranh chấp nợ vẫn chưa được giải quyết.

Mặt khác, giữa các bên vẫn còn tranh chấp về số tiền hoàn trả nên chưa đủ căn cứ để xác định Công ty I mất khả năng thanh toán theo qui định tại khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản năm 2014.

Như vậy, Tổ Thẩm phán không chấp nhận đơn đề nghị của Công ty G và chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp, giữ

nguyên Quyết định không mở thủ tục phá sản số 01/QĐ-KMTTPS ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**Bài học pháp lý từ tình huống:** Qua vụ việc nêu trên các doanh nghiệp là bên chủ nợ cần lưu ý, trường hợp khoản nợ đang có tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ thanh toán mà việc giải quyết tranh chấp đó theo quy định Hợp đồng phải được thực hiện tại Trọng tài và tranh chấp đó chưa được giải quyết, chưa có đủ căn cứ để xác định doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán mất khả năng thanh toán đến hạn, thì sẽ không có cơ sở để Tòa án ban hành Quyết định mở thủ tục phá sản. Vì vậy, khi phát sinh tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ thanh toán tương tự như trong tình huống nêu trên thì doanh nghiệp (chủ nợ) cần nộp Đơn khởi kiện ra cơ quan Trọng tài (nếu có thỏa thuận Trọng tài) để được giải quyết tranh chấp.

**2.2. Quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp giải quyết Đơn đề nghị xem xét lại Quyết định số 01/QĐ-KDTTPS:**

Căn cứ vào điểm c khoản 7, khoản 9 Điều 44 của Luật Phá sản, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Không chấp nhận đơn đề nghị xem xét lại Quyết định không mở thủ tục phá sản của Công ty G; giữ nguyên Quyết định số 01/QĐ-KMTTPS ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không mở thủ tục phá sản đối với Công ty I, địa chỉ: Tô 4, khu phố K1, phường K2, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

**3. Các hoạt động của doanh nghiệp sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản**

**3.1. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản**

- Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của Thẩm phán và Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Trường hợp xét thấy người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không có khả năng điều hành, doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm khoản 1 Điều 48 của Luật Phá sản thì Thẩm phán ra quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã đó theo đề

ngộ của Hội nghị chủ nợ hoặc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

### **3.2. Hoạt động của doanh nghiệp bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản**

Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:

- Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;
- Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 49 của Luật Phá sản;
- Từ bỏ quyền đòi nợ;
- Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

*Lưu ý:* Các giao dịch nêu trên là vô hiệu và xử lý theo quy định tại Điều 60 của Luật Phá sản .

### **4. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản**

- Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp phải báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động sau:

- + Hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản;
- + Chấm dứt thực hiện hợp đồng có hiệu lực;
- + Thanh toán khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản; trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

Hình thức báo cáo gồm báo cáo trực tiếp, thư bảo đảm, thư thường, thư điện tử, fax, telex.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm trả lời cho doanh nghiệp việc được thực hiện hoặc



không được thực hiện các hoạt động nêu trên và phải chịu trách nhiệm về việc trả lời của mình. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo Thẩm phán về nội dung trả lời của mình.

- Các hoạt động nêu trên được thực hiện mà không có sự đồng ý của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì bị đình chỉ thực hiện, khôi phục lại tình trạng ban đầu và giải quyết hậu quả theo quy định của pháp luật.

#### **IV. NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN**

##### **1. Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản**

- Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp xác lập trước khi Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản được xác định vào thời điểm ra quyết định mở thủ tục phá sản.

- Nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã xác lập sau khi Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản được xác định vào thời điểm ra quyết định tuyên bố phá sản.

- Trường hợp nghĩa vụ về tài sản không phải là tiền thì Tòa án nhân dân xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản đó bằng tiền.

##### **2. Xác định tiền lãi đối với khoản nợ**

- Kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, các khoản nợ được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận nhưng được tạm dừng việc trả lãi.

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 86 của Luật Phá sản, đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 của Luật Phá sản thì việc tạm dừng trả lãi chấm dứt, các bên tiếp tục thực hiện việc trả lãi theo thỏa thuận.

- Đối với khoản nợ mới phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản đến thời điểm tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì tiền lãi của khoản nợ đó được xác định theo thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì khoản nợ không được tiếp tục tính lãi.

### **3. Xử lý khoản nợ có bảo đảm**

- Sau khi mở thủ tục phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề xuất Thẩm phán về việc xử lý khoản nợ có bảo đảm đã được tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Phá sản, Thẩm phán xem xét và xử lý cụ thể như sau:

+ Trường hợp tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ;

+ Trường hợp không thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì xử lý theo thời hạn quy định trong hợp đồng đối với hợp đồng có bảo đảm đã đến hạn. Đối với hợp đồng có bảo đảm chưa đến hạn thì trước khi tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án nhân dân đình chỉ hợp đồng và xử lý các khoản nợ có bảo đảm. Việc xử lý khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Phá sản .

- Trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề nghị Thẩm phán cho xử lý ngay tài sản bảo đảm đó theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Phá sản .

- Việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

+ Đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó;

+ Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp.

### **4. Thứ tự phân chia tài sản**

- Trường hợp Thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản của doanh nghiệp được phân chia theo thứ tự sau:

+ Chi phí phá sản;

+ Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

+ Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

*Lưu ý:* Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định nêu trên, thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

- Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi đã thanh toán đủ các khoản nêu trên mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về:

+ Chủ doanh nghiệp tư nhân;

+ Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên;

+ Thành viên của công ty TNHH hai thành viên trở lên, cổ đông của công ty cổ phần;

+ Thành viên của công ty hợp danh.

## **5. Nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh**

- Trường hợp nhiều doanh nghiệp liên đới về một khoản nợ mà một hoặc tất cả các doanh nghiệp đó mất khả năng thanh toán, thì chủ nợ có quyền đòi bất cứ doanh nghiệp nào trong số các doanh nghiệp đó thực hiện việc trả nợ cho mình theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người bảo lãnh mất khả năng thanh toán thì việc bảo lãnh được giải quyết như sau:

+ Nếu nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trường hợp bên bảo lãnh không thanh toán đầy đủ trong phạm vi bảo lãnh, thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thanh toán phần còn thiếu;

+ Nếu nghĩa vụ bảo lãnh chưa phát sinh thì bên được bảo lãnh phải thay thế biện pháp bảo đảm khác, trừ trường hợp người được bảo lãnh và người nhận bảo lãnh có thỏa thuận khác.

- Trường hợp người được bảo lãnh hoặc cả người bảo lãnh và người được bảo lãnh đều mất khả năng thanh toán, thì người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm thay cho người được bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

## **6. Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố phá sản, chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê hoặc mượn để dùng vào hoạt động kinh doanh phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê hoặc cho mượn với cơ quan thi hành án dân sự để nhận lại tài sản của mình.

- Trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản đã trả trước tiền thuê nhưng chưa hết thời hạn thuê, thì người cho thuê chỉ được nhận lại tài sản sau khi đã thanh toán số tiền thuê tương ứng với thời gian thuê còn lại để cơ quan thi hành án dân sự nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp đó.

- Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã chuyển nhượng tài sản thuê hoặc mượn cho người khác mà không đòi lại được, thì người cho thuê hoặc cho mượn có quyền yêu cầu bồi thường đối với tài sản đó như khoản nợ không có bảo đảm.

## **7. Trả lại tài sản nhận bảo đảm**

Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán chỉ trả lại tài sản nhận bảo đảm cho cá nhân, tổ chức đã giao tài sản cho doanh nghiệp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp, hợp tác xã trước khi Tòa án nhân dân mở thủ tục phá sản trong trường hợp cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp.

## **8. Nhận lại hàng hóa đã bán**

Người bán đã gửi hàng hóa cho người mua là doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nhưng chưa được thanh toán và người mua cũng chưa nhận được hàng hóa thì người bán được nhận lại hàng hóa đó. Nếu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán đã nhận hàng hóa đó và không thể trả lại được thì người bán trở thành chủ nợ không có bảo đảm.

*Lưu ý:* Về vấn đề xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và doanh nghiệp bị mở thủ tục phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm được quy định tại Điều 41 và Điều 53 Luật Phá sản 2014, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn 152/TANDTC-PC, ngày 19/7/2017 hướng dẫn về cách thức xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp phá sản, cụ thể:

*Thứ nhất*, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân có thẩm quyền thụ lý vụ việc phá sản, các Tòa án nhân dân phải:

- Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động có liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là một bên đương sự. Thủ tục tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Tách và tạm đình chỉ giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự, hành chính liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là một bên đương sự. Thủ tục tách và tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng hành chính.

- Tạm đình chỉ việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán đối với các chủ nợ có bảo đảm.

*Thứ hai*, trường hợp sau khi mở thủ tục phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề xuất Thẩm phán về việc xử lý khoản nợ có bảo đảm đã được tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Phá sản, Thẩm phán xem xét và xử lý cụ thể như sau:

- Trường hợp tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ;

- Trường hợp không thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì xử lý theo thời hạn quy định trong hợp đồng đối với hợp đồng có bảo đảm đã đến hạn. Đối với hợp đồng có bảo đảm chưa đến hạn thì trước khi tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án nhân dân đình chỉ hợp đồng và xử lý các khoản nợ có bảo đảm.

*Thứ ba*, trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý

tài sản đề nghị Thẩm phán cho xử lý ngay tài sản bảo đảm đó theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Phá sản.

*Thứ tư*, việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 53 Luật Phá sản được thực hiện như sau:

- Đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó;

- Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

## **V. CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN**

Nhằm tối đa hóa tài sản phá sản và ngăn chặn việc tâu tán tài sản hoặc cố ý làm thất thoát tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, Luật Phá sản 2014 quy định các biện pháp bảo toàn tài sản thông qua các quy định giao dịch bị coi là vô hiệu, tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực; thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện; bù trừ nghĩa vụ..., cụ thể như sau:

### **1. Giao dịch bị coi là vô hiệu và tuyên bố giao dịch vô hiệu**

#### **1.1. Giao dịch bị coi là vô hiệu**

- Giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán được thực hiện trong thời gian 06 tháng trước ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản bị coi là vô hiệu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Giao dịch liên quan đến chuyển nhượng tài sản không theo giá thị trường;

+ Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Thanh toán hoặc bù trừ có lợi cho một chủ nợ đối với khoản nợ chưa đến hạn hoặc với số tiền lớn hơn khoản nợ đến hạn;

+ Tặng cho tài sản;

+ Giao dịch ngoài mục đích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Giao dịch của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán quy định nêu trên được thực hiện với những người liên quan trong thời gian 18 tháng trước ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản thì bị coi là vô hiệu. Những người liên quan này bao gồm:

+ Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đối với công ty con;

+ Công ty con đối với công ty mẹ; doanh nghiệp do hợp tác xã thành lập đối với hợp tác xã;

+ Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đối với hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã đó;

+ Người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã đối với doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

+ Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;

+ Doanh nghiệp trong đó những người quy định nêu trên có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;

+ Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm xem xét giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, nếu phát hiện giao dịch nêu trên thì đề nghị Tòa án nhân dân xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu.

## ***1.2. Tuyên bố giao dịch vô hiệu***

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu hoặc Tòa án nhân dân phát hiện giao dịch nêu trên Tòa án nhân dân ra một trong các quyết định sau:

+ Không chấp nhận yêu cầu của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản;

+ Tuyên bố giao dịch vô hiệu, hủy bỏ các biện pháp bảo đảm và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- Quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, bên giao kết với doanh nghiệp có quyền làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu phải ra một trong các quyết định sau:

+ Không chấp nhận đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu;

+ Hủy bỏ quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu. Trường hợp có tranh chấp thì được giải quyết theo quy định Luật Phá sản.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, hủy bỏ các biện pháp bảo đảm và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động tổ chức thi hành quyết định theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

## **2. Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nếu xét thấy việc thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc chưa được thực hiện sẽ có khả năng gây bất lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân ra quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp



xử lý các khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại Điều 53 của Luật Phá sản .

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, nếu chấp nhận thì Tòa án nhân dân ra quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng; nếu không chấp nhận thì thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu biết.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản, Tòa án nhân dân phải xem xét các hợp đồng bị tạm đình chỉ quy định nêu trên để ra một trong các quyết định sau:

+ Tiếp tục thực hiện hợp đồng nếu việc thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc nếu được thực hiện sẽ không gây bất lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Đình chỉ thực hiện hợp đồng và giải quyết hậu quả theo quy định tại Điều 62 của Luật Phá sản .

- Trường hợp Tòa án nhân dân quyết định không mở thủ tục phá sản thì Tòa án nhân dân đã quyết định tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

### **3. Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện**

- Khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện, nếu tài sản mà doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nhận được từ hợp đồng vẫn còn tồn tại trong khối tài sản của doanh nghiệp thì bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp có quyền đòi lại tài sản và thanh toán số tiền đã nhận của doanh nghiệp; nếu tài sản đó không còn thì bên giao kết có quyền như một chủ nợ không có bảo đảm đối với phần chưa được thanh toán.

- Trường hợp việc đình chỉ thực hiện hợp đồng gây thiệt hại cho bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp thì bên giao kết có quyền như một chủ nợ không có bảo đảm đối với khoản thiệt hại.

### **4. Bù trừ nghĩa vụ**

- Sau khi Tòa án nhân dân có quyết định mở thủ tục phá sản, chủ nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán được thực hiện việc bù trừ nghĩa vụ đối với hợp đồng được xác lập trước khi có quyết định mở thủ tục phá sản. Việc thực hiện bù trừ nghĩa vụ phải được sự đồng ý của Quản

tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Thẩm phán về việc thực hiện bù trừ nghĩa vụ.

- Phương pháp bù trừ nghĩa vụ:

+ Trường hợp các bên có nghĩa vụ về tài sản tương đương với nhau thì không phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhau và nghĩa vụ được xem là chấm dứt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

+ Trường hợp các bên có nghĩa vụ về tài sản không tương đương với nhau mà phần chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn thuộc về doanh nghiệp, hợp tác xã thì bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã phải thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch để gộp vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Trường hợp các bên có nghĩa vụ về tài sản không tương đương với nhau mà phần chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn thuộc về bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã thì bên giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã trở thành chủ nợ không có bảo đảm đối với phần giá trị tài sản chênh lệch.

## **5. Tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán**

- Tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán gồm:

+ Tài sản và quyền tài sản mà doanh nghiệp có tại thời điểm Tòa án nhân dân quyết định mở thủ tục phá sản;

+ Tài sản và quyền tài sản có được sau ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản;

+ Giá trị của tài sản bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải thanh toán cho chủ nợ có bảo đảm;

+ Giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai;

+ Tài sản thu hồi từ hành vi cất giấu, tẩu tán tài sản của doanh nghiệp;

+ Tài sản và quyền tài sản có được do thu hồi từ giao dịch vô hiệu;

+ Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản của doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh mất khả năng thanh toán gồm:

+ Tài sản quy định nêu trên;

+ Tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh không trực tiếp dùng vào hoạt động kinh doanh; trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh có tài sản thuộc sở hữu chung thì phần tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh đó được chia theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định của pháp luật có liên quan.

## **6. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó; trong trường hợp cần thiết thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Việc xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp đại diện hợp pháp của doanh nghiệp vắng mặt thì người được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ định làm đại diện của doanh nghiệp thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp.

- Bảng kiểm kê tài sản đã được xác định giá trị phải gửi ngay cho Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản.

- Trường hợp xét thấy việc kiểm kê, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp là không chính xác thì Tòa án nhân dân yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức kiểm kê, xác định lại giá trị một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Giá trị tài sản được xác định, định giá theo giá thị trường tại thời điểm kiểm kê.

- Trường hợp đại diện doanh nghiệp và những người khác không hợp tác về việc kiểm kê tài sản hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **7. Gửi giấy đòi nợ, lập danh sách chủ nợ, danh sách người nợ**

### **7.1. Gửi giấy đòi nợ**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản, chủ nợ phải gửi giấy đòi nợ cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Giấy đòi nợ phải có các nội dung sau:

+ Tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của chủ nợ hoặc đại diện chủ nợ;

+ Tổng số nợ phải trả, bao gồm khoản nợ, số nợ đến hạn và khoản tiền lãi đến hạn nhưng chưa thanh toán; số nợ chưa đến hạn; số nợ có bảo đảm và phương thức bảo đảm; số nợ không có bảo đảm mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả; khoản tiền bồi thường theo hợp đồng (nếu có).

Kèm theo giấy đòi nợ là tài liệu, chứng cứ chứng minh về khoản nợ đó. Giấy đòi nợ phải do chủ nợ hoặc người đại diện hợp pháp của chủ nợ ký tên.

- Trường hợp bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan không tính vào thời hạn quy định nêu trên.

## **7.2. Lập danh sách chủ nợ**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách chủ nợ, thu thập tài liệu liên quan đến khoản nợ và niêm yết công khai danh sách chủ nợ. Danh sách chủ nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của chủ nợ hoặc đại diện chủ nợ, số nợ của mỗi chủ nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

- Danh sách chủ nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản, trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và đăng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân và phải gửi cho chủ nợ đã gửi giấy đòi nợ trong 10 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết, chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có quyền đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách chủ nợ. Trường hợp bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại, Thẩm phán phải xem xét, giải quyết đề nghị, nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ.

### **7.3. Lập danh sách người mắc nợ**

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách những người mắc nợ doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Danh sách người mắc nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của người mắc nợ hoặc đại diện người mắc nợ, số nợ của mỗi người mắc nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, danh sách người mắc nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản, trụ sở chính của doanh nghiệp và phải gửi cho người mắc nợ trong 10 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết, người mắc nợ và doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có quyền đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách người mắc nợ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại, Thẩm phán phải xem xét, giải quyết đề nghị, nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách người mắc nợ.

### **8. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán**

Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán cho người khác vay tài sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng chưa đăng ký thì doanh nghiệp phải thực hiện ngay việc đăng ký; trường hợp doanh nghiệp không thực hiện thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm.

### **9. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời**

- Trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn theo quy định tại Điều 5 của Luật Phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản ra quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động sau đây:

+ Cho bán hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng hóa sắp hết thời hạn sử dụng, hàng hóa không bán đúng thời điểm sẽ khó có khả năng tiêu thụ; cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác;

+ Kê biên, niêm phong tài sản của doanh nghiệp;

+ Phong tỏa tài khoản của doanh nghiệp, hợp tác xã tại ngân hàng; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ;

+ Niêm phong kho, quỹ, thu giữ và quản lý sổ kế toán, tài liệu liên quan của doanh nghiệp;

+ Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán;

+ Cấm thay đổi hiện trạng đối với tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán;

+ Cấm hoặc buộc doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức khác có liên quan thực hiện một số hành vi nhất định;

+ Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

+ Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.

- Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có văn bản yêu cầu gửi đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Văn bản yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có các nội dung chủ yếu sau: ngày, tháng, năm; tên, địa chỉ của người có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; tên, địa chỉ của người bị yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; lý do cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; biện pháp khẩn cấp tạm thời cần được áp dụng và các yêu cầu cụ thể.

Tùy theo yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà người yêu cầu phải cung cấp cho Tòa án nhân dân chứng cứ để chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó.

## **10. Xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc**

- Trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định không mở thủ tục phá sản, Tòa án nhân dân, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết

đình tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 41 của Luật Phá sản ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

- Trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản, Tòa án nhân dân, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 41 của Luật Phá sản phải ra quyết định đình chỉ và chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết.

- Trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 86 của Luật Phá sản và đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 của Luật Phá sản thì Tòa án nhân dân, Trọng tài, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ và giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **11. Giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc**

- Trường hợp đình chỉ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 71 của Luật Phá sản thì tùy từng trường hợp, Tòa án nhân dân đang tiến hành thủ tục phá sản xử lý như sau:

+ Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật và không có quyết định kê biên tài sản của doanh nghiệp để bảo đảm thi hành án thì người được thi hành án được thanh toán như một chủ nợ không có bảo đảm;

+ Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật và có quyết định kê biên tài sản của doanh nghiệp để bảo đảm thi hành án thì người được thi hành án được thanh toán như một chủ nợ có bảo đảm.

- Trường hợp đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 71 của Luật Phá sản thì ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ việc do Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ việc chuyển đến, Tòa án nhân dân đang tiến hành thủ tục phá sản phải xem xét, quyết định nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải thực hiện hoặc nghĩa vụ tài sản mà đương sự khác phải thực hiện đối với doanh nghiệp như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì người được doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ về tài sản có quyền yêu cầu được thanh toán trong khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã như một chủ nợ;

+ Trường hợp bên đương sự phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thì phải thanh toán cho doanh nghiệp giá trị tương ứng với nghĩa vụ tài sản đó.

## **12. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp có tài khoản**

Kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, nghiêm cấm ngân hàng mà doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản có tài khoản thực hiện việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Tòa án nhân dân hoặc cơ quan thi hành án dân sự.

## **13. Nghĩa vụ của người lao động**

Kể từ ngày Tòa án nhân dân quyết định mở thủ tục phá sản, người lao động có nghĩa vụ bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; không được thực hiện hành vi nhằm che giấu, tẩu tán tài sản của doanh nghiệp.

## **VI. HỘI NGHỊ CHỦ NỢ**

Hội nghị chủ nợ là cuộc họp của các chủ nợ được triệu tập trong thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp để thảo luận thông qua phương án hòa giải, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc kiến nghị về phương án phân chia tài sản khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản. Việc tổ chức Hội nghị chủ nợ và quyết định các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Hội nghị chủ nợ sẽ được thực hiện như sau:

### **1. Triệu tập và gửi thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ**

- Thời hạn triệu tập: thời hạn Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ là 20 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm kê tài sản trong trường hợp việc kiểm kê tài sản kết thúc sau việc lập danh sách chủ nợ hoặc kể từ ngày kết thúc việc lập danh sách chủ nợ trong trường hợp việc kiểm kê tài sản kết thúc trước việc lập danh sách chủ nợ, trừ trường hợp không phải tổ chức Hội nghị chủ nợ theo quy định tại Điều 105 của Luật Phá sản.



- Thời hạn gửi Thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ và các tài liệu liên quan: thông báo và tài liệu khác có liên quan phải được gửi cho người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật Phá sản chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc Hội nghị. Giấy triệu tập Hội nghị chủ nợ phải ghi rõ thời gian và địa điểm tổ chức Hội nghị chủ nợ, chương trình, nội dung Hội nghị chủ nợ.

- Phương thức gửi thông báo: thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ, tài liệu gửi bằng phương thức giao trực tiếp, thư bảo đảm, thư thường, fax, telex, thư điện tử hoặc bằng phương thức khác có ghi nhận việc gửi này.

## **2. Quyền tham gia Hội nghị chủ nợ**

Những người sau đây có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ:

- Chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ. Chủ nợ có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ và người được ủy quyền có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ;

- Đại diện cho người lao động, đại diện công đoàn được người lao động ủy quyền; trường hợp này đại diện cho người lao động, đại diện công đoàn có quyền, nghĩa vụ như chủ nợ;

- Người bảo lãnh sau khi đã trả nợ thay cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; trường hợp này người bảo lãnh trở thành chủ nợ không có bảo đảm.

## **3. Nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ**

- Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại Điều 5 của Luật Phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ; trường hợp không tham gia được thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham gia Hội nghị chủ nợ và người được ủy quyền có quyền, nghĩa vụ như người ủy quyền.

- Trường hợp người đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán cố ý vắng mặt không có lý do chính đáng thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **4. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ**

- Có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% tổng số nợ không có bảo đảm.

Chủ nợ không tham gia Hội nghị chủ nợ nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi cho Thẩm phán trước ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ, trong đó ghi rõ ý kiến về những nội dung quy định tại khoản 1 Điều 83 của Luật Phá sản thì được coi như chủ nợ tham gia Hội nghị chủ nợ.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được phân công giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải tham gia Hội nghị chủ nợ.

#### **5. Hoãn Hội nghị chủ nợ**

- Hội nghị chủ nợ được hoãn nếu không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 79 của Luật Phá sản; trường hợp hoãn Hội nghị chủ nợ thì Thẩm phán lập biên bản và ghi ý kiến của người tham gia Hội nghị chủ nợ. Thẩm phán phải thông báo ngay trong ngày hoãn Hội nghị chủ nợ cho người tham gia thủ tục phá sản về việc hoãn Hội nghị chủ nợ.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoãn Hội nghị chủ nợ, Thẩm phán phải triệu tập lại Hội nghị chủ nợ.

- Trường hợp triệu tập lại Hội nghị chủ nợ theo quy định nêu trên mà vẫn không đáp ứng quy định tại Điều 79 của Luật Phá sản thì Thẩm phán lập biên bản và quyết định tuyên bố phá sản.

#### **6. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ**

- Hội nghị chủ nợ được tiến hành như sau:

+ Thẩm phán được phân công phụ trách khai mạc Hội nghị chủ nợ;

+ Hội nghị chủ nợ biểu quyết thông qua việc cử Thư ký Hội nghị chủ nợ theo đề xuất của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để ghi biên bản Hội nghị chủ nợ;

+ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia Hội nghị chủ nợ theo thông báo triệu tập của Tòa án nhân dân, lý do vắng mặt và kiểm tra căn cước của người tham gia Hội nghị chủ nợ;

+ Thẩm phán thông báo với Hội nghị chủ nợ về những người tham gia Hội nghị chủ nợ và nội dung việc giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;

+ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông báo cho Hội nghị chủ nợ về tình hình kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; kết quả kiểm kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ và các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết;

+ Chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã trình bày ý kiến về nội dung do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo cho Hội nghị, đề xuất phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, khả năng và thời hạn thanh toán nợ;

+ Chủ nợ hoặc người đại diện hợp pháp của chủ nợ trình bày về những vấn đề cụ thể yêu cầu giải quyết, lý do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu giải quyết phá sản;

+ Người có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ trong việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản;

+ Người làm chứng trình bày ý kiến; người giám định, đại diện cơ quan thẩm định giá trình bày kết luận giám định, kết quả định giá; người thực hiện biện pháp bảo trợ tư pháp khác giải thích những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn;

+ Trường hợp có người vắng mặt thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cho công bố ý kiến bằng văn bản, tài liệu, chứng cứ do người đó cung cấp;

+ Hội nghị chủ nợ thảo luận về các nội dung do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo và ý kiến của những người tham gia Hội nghị chủ nợ;

+ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia Hội nghị chủ nợ có quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định thay người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán;

+ Các chủ nợ có quyền thành lập Ban đại diện chủ nợ.

- Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ.

### **7. Ban đại diện chủ nợ**

- Ban đại diện chủ nợ có từ 03 đến 05 thành viên do các chủ nợ bầu tại Hội nghị chủ nợ, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên.

- Ban đại diện chủ nợ thay mặt cho các chủ nợ thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, đề xuất với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ. Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện đề xuất thì Ban đại diện chủ nợ có quyền thông báo bằng văn bản với Thẩm phán phụ trách giải quyết phá sản.

### **8. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ**

- Hội nghị chủ nợ có quyền đưa ra Nghị quyết trong đó có một trong các kết luận sau:

+ Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 86 của Luật Phá sản;

+ Đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp;

+ Đề nghị tuyên bố phá sản doanh nghiệp;

- Nghị quyết Hội nghị chủ nợ phải có các nội dung chủ yếu sau: ngày, tháng, năm; tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; tên, địa chỉ của người yêu cầu mở thủ tục phá sản; tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản; tên, địa chỉ của người có liên quan; ý kiến của người tham gia Hội nghị chủ nợ; ý kiến của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về yêu cầu của người tham gia Hội nghị chủ nợ; kết luận Hội nghị chủ nợ, kết quả biểu quyết.

- Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có chữ ký của Thẩm phán, Quản tài viên, đại diện doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và thông báo trước Hội nghị chủ nợ.

- Trường hợp Hội nghị chủ nợ không thông qua được Nghị quyết thì Tòa án nhân dân tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

## **9. Đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ**

- Trường hợp không đồng ý với Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật Phá sản có quyền gửi đơn đề nghị, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân đang giải quyết phá sản xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ. Văn bản đề nghị, kiến nghị có các nội dung chủ yếu sau: ngày, tháng, năm; tên, địa chỉ của người đề nghị, Viện kiểm sát kiến nghị; nội dung đề nghị, kiến nghị.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân đang giải quyết phá sản xem xét và ra một trong các quyết định sau:

+ Không chấp nhận đề nghị, kiến nghị;

+ Tổ chức lại Hội nghị chủ nợ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ quy định tại Điều 77, Điều 78 của Luật Phá sản .

- Quyết định không chấp nhận đề nghị, kiến nghị hoặc tổ chức lại Hội nghị chủ nợ là quyết định cuối cùng.

## **10. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản**

- Kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản đến trước ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán thì Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản.

Doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn trả tạm ứng chi phí phá sản cho người nộp đơn, trừ trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật Phá sản.

- Quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản phải được gửi cho những người được thông báo quyết định mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân đang giải quyết thủ tục phá sản về quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại, kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân đang giải quyết thủ tục phá sản phải xem xét, giải quyết kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản và ra một trong các quyết định sau:

+ Giữ nguyên quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản;

+ Hủy quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết phá sản.

- Quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản phải gửi cho những người được thông báo quyết định mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

## **VII. THỦ TỤC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản nhằm mục đích tối đa hóa việc trả nợ cho các chủ nợ, thông qua đó bảo vệ quyền lợi cho các chủ nợ và những người có liên quan. Khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, đối tượng phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất về tài sản là chủ nợ. Trừ những chủ nợ có bảo đảm, quyền lợi của các chủ nợ còn lại không được bảo đảm, vì lúc đó tài sản nợ lớn hơn rất nhiều so với sản nghiệp còn lại của doanh nghiệp. Điều này có thể dẫn đến hậu quả sẽ có nhiều doanh nghiệp khác lâm vào tình trạng phá sản khi bạn hàng, đối tác của họ bị tuyên bố phá sản. Để bảo vệ tối đa quyền lợi cho các chủ nợ và những người có liên quan, phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là giải pháp mà các chủ nợ luôn mong muốn. Bởi vì, khi doanh nghiệp thoát khỏi khó khăn hiện tại và tiếp tục hoạt động kinh doanh thì khả năng trả nợ cho các chủ nợ là rất lớn. Vì vậy, trong quá trình xây dựng, thông qua phương án phục hồi doanh nghiệp, vai trò của các chủ nợ là hết sức quan trọng. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh được Luật Phá sản quy định cụ thể thông qua những nội dung sau:

## **1. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và gửi cho Thẩm phán, chủ nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cho ý kiến.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi ý kiến cho doanh nghiệp, hợp tác xã để hoàn thiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh báo cáo Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ, Ban đại diện chủ nợ (nếu có).

- Ngay sau khi nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có nhiệm vụ báo cáo Thẩm phán.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Thẩm phán xem xét trước khi đưa phương án ra Hội nghị chủ nợ xem xét thông qua.

## **2. Nội dung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải nêu rõ các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh; các điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán các khoản nợ.

- Các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh gồm: huy động vốn; giảm nợ, miễn nợ, hoãn nợ; thay đổi mặt hàng sản xuất, kinh doanh; đổi mới công nghệ sản xuất; tổ chức lại bộ máy quản lý, sáp nhập hoặc chia tách bộ phận sản xuất; bán cổ phần cho chủ nợ và những người khác; bán hoặc cho thuê tài sản; các biện pháp khác không trái quy định của pháp luật.

## **3. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Thời hạn để thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

- Trường hợp Hội nghị chủ nợ không xác định được thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh là không quá 03 năm kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

#### **4. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã**

- Có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% số nợ không có bảo đảm. Chủ nợ không tham gia Hội nghị chủ nợ nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi cho Thẩm phán trước ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ, trong đó ghi rõ ý kiến cụ thể về việc thông qua hoặc không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thì coi như chủ nợ tham gia Hội nghị chủ nợ.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được phân công giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải tham gia Hội nghị chủ nợ.

#### **5. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đưa phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán ra Hội nghị chủ nợ, Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

- Hội nghị chủ nợ được tiến hành như sau:

+ Thẩm phán được phân công phụ trách khai mạc Hội nghị chủ nợ;

+ Hội nghị chủ nợ biểu quyết thông qua việc cử Thư ký Hội nghị chủ nợ theo đề xuất của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để ghi biên bản Hội nghị chủ nợ;

+ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia Hội nghị chủ nợ theo thông báo triệu tập của Tòa án nhân dân, lý do vắng mặt và kiểm tra căn cước của người tham gia Hội nghị chủ nợ;

+ Thẩm phán thông báo với Hội nghị chủ nợ về những người tham gia Hội nghị chủ nợ;



+ Đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã trình bày phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

+ Người tham gia Hội nghị chủ nợ trình bày ý kiến của mình về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

+ Hội nghị chủ nợ thảo luận và biểu quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

- Hội nghị chủ nợ được hoãn một lần trong trường hợp không đáp ứng điều kiện hợp lệ. Việc tổ chức lại Hội nghị chủ nợ được thực hiện theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật Phá sản.

- Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành.

Trường hợp phương án phục hồi hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản bảo đảm thì phải quy định rõ thời gian sử dụng tài sản có bảo đảm, phương án xử lý tài sản bảo đảm và phải được chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản đó đồng ý.

- Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ.

- Trường hợp không tổ chức lại được Hội nghị chủ nợ hoặc Hội nghị chủ nợ không thông qua được Nghị quyết thì Tòa án nhân dân tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

## **6. Công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

- Thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Nghị quyết này có hiệu lực đối với tất cả người tham gia thủ tục phá sản có liên quan.

Kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thì những điều cấm, chịu sự giám sát đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại Điều 48 và Điều 49 của Luật Phá sản chấm dứt.

- Tòa án nhân dân gửi quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho

doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, chủ nợ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

### **7. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Sau khi Thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sáu tháng một lần, doanh nghiệp phải lập báo cáo về tình hình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo Thẩm phán và thông báo cho chủ nợ.

### **8. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, các chủ nợ và doanh nghiệp có quyền thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

- Thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp nhận khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi văn bản đề nghị Thẩm phán ra quyết định công nhận sự thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được gửi cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và chủ nợ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

### **9. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;

+ Hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn mất khả năng thanh toán.

- Tòa án nhân dân thông báo công khai quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản.

### **10. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh**

- Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 của Luật Phá sản thì doanh nghiệp, hợp tác xã được coi là không còn mất khả năng thanh toán. Thẩm phán phụ trách giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 95 của Luật Phá sản, Thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

**Tình huống:** Ngày 27/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã thụ lý Đơn yêu cầu tuyên bố doanh nghiệp phá sản giữa người yêu cầu là Bà Phan Thị N, sinh năm 1981 (địa chỉ: SN 03/11 Chu Văn An, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa) và người bị yêu cầu là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C (địa chỉ: Số 168 Thành T, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Tại Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản số 02/2018/QĐ-PS ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Điều 1. Tuyên bố phá sản đối với Công ty C.

1.1. Chấm dứt hoạt động của Công ty C.

1.2. Chấm dứt quyền hạn của người đại diện theo pháp luật đối với: ông Đỗ Mạnh H, Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Đình chỉ tất cả các giao dịch liên quan đến Công ty.

1.4. Các khoản nợ của Công ty đối với các chủ nợ được chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi kể từ ngày 01/10/2018.

1.5. Chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty Cienco1 và người lao động, giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

1.6. Thu hồi con dấu, xóa tên doanh nghiệp của Công ty Cienco1 theo quy định của Luật Phá sản, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

## Điều 2.

2.1. Số tiền 272.851.000đ là tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (sau đây gọi tắt là BTGPMB) đối với tài sản trên diện tích đất 490m<sup>2</sup> tại địa chỉ 168 đường Thành T, phường Đông T, thành phố Thanh Hóa, thành phố Thanh Hóa theo Quyết định số 10927/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố Thanh Hóa về việc “phê duyệt phương án phần dự toán BTGPMB thực hiện dự án khu dân cư đô thị phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa”, là một phần tài sản bảo đảm cho số nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo Bản án số 01/2016/KDTM-ST ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa là khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án thụ lý Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Số tiền 272.851.000đ hiện đang lưu giữ tại Ban GPMB thành phố Thanh Hóa được chi trả qua số tài khoản 459101 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa.

2.2. Công ty C không còn tài sản để thực thực hiện việc thanh lý, phân chia.

Điều 3. Nghĩa vụ về tài sản phát sinh sau khi có quyết định tuyên bố Công ty C phá sản được giải quyết theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nhiệm vụ của Quản tài viên; lệ phí yêu cầu tuyên bố phá sản; quyền kháng nghị và quyền đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa, theo ủy quyền thường xuyên của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét lại Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản đối với Công ty C với nội dung “Hội nghị chủ nợ ngày 31/8/2018 đã thông qua Nghị quyết áp dụng thủ tục phục hồi kinh doanh đối với Công ty C. Ngày 01/10/2018 TAND thành phố

Thanh Hóa ra Quyết định tuyên bố phá sản đối với Công ty C làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng với lý do: tại Điều 1 của Quyết định tuyên bố phá sản có nêu: số tiền 272.851.000đ là tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với tài sản mà Công ty C thế chấp để vay vốn sẽ được chi trả cho Ngân hàng, nhưng tính đến ngày 11/6/2018 (thời điểm gửi giấy đòi nợ theo yêu cầu của Tòa án) Công ty C còn nợ Ngân hàng số tiền là 154.789.631.110đ, trong đó nợ gốc: 39.246.883.697đ, nợ lãi: 115.542.747.412đ. Ngân hàng mong muốn Công ty C phục hồi kinh doanh để tiếp tục trả nợ”.

**Hỏi:** Đơn đề nghị của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản đối với Công ty C của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa có căn cứ được chấp nhận không ?

### **Nội dung giải quyết của Tòa án nhân tỉnh Thanh Hóa**

Tại Quyết định số 01/2018/QĐPT – PS ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết Đơn xem xét lại Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản số 02/2018/QĐ-PS ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét thấy:

(1) Về trình tự mở thủ tục phá sản của Tòa án cấp sơ thẩm:

Bà Phan Thị N là Chủ nợ không có bảo đảm của Công ty C, tại Biên bản đối chiếu ngày 31/12/2016, Công ty C còn nợ của bà N tổng số tiền là 1.563.602.000đ, trong đó gốc là 1.409.127.000đ, lãi là 154.475.000đ. Hai bên cam kết chậm nhất đến tháng 7/2017 Công ty C phải trả hết toàn bộ nợ gốc, lãi cho bà N và lãi phát sinh đến ngày trả nợ. Nếu tháng 7/2017, Công ty C không trả được nợ thì bà N sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền can thiệp thu nợ. Tuy nhiên, đến hạn Công ty C không thực hiện được cam kết trả nợ và đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Do vậy, ngày 30/3/2018, bà Phan Thị N nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Công ty C và chỉ định Quản tài viên là bà Bùi Thị H.

Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý Đơn yêu cầu của bà Phan Thị N, ra Quyết định mở thủ tục phá sản, Thông báo danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ và tiến hành mở Hội nghị Chủ nợ được thực hiện đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Phá sản.

(2) Xét nội dung đơn khiếu nại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm mở thủ tục phá sản (27/01/2018), tổng số nợ mà Công ty C phải trả cho các chủ nợ không có bảo đảm là: 201.650.077.807đ (*Hai trăm lẻ một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, không trăm bảy bảy ngàn, tám trăm lẻ bảy đồng*), trong đó có số nợ phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa là: 154.789.631.110đ (*Một trăm năm tư tỷ, bảy trăm tám chín triệu, sáu trăm ba một ngàn, một trăm mười đồng*), gồm nợ gốc: 39.246.883.697đ, nợ lãi: 115.542.747.412đ; số nợ Công ty phải đòi là: 56.503.281.377đ (*Năm mươi sáu tỷ, năm trăm lẻ ba triệu, hai trăm tám một ngàn, ba trăm bảy bảy đồng*). Tại Hội nghị chủ nợ ngày 31/8/2018, có 07/09 chủ nợ tham gia đã biểu quyết thông qua Nghị quyết đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh đối với Công ty C. Tuy nhiên, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua Nghị quyết, Công ty Cienco1 không xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Tại phiên họp phúc thẩm, Quản tài viên, đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N, đại diện của Công ty C đều trình bày Công ty C đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, nợ quá nhiều, toàn bộ mặt bằng sản xuất và văn phòng tại 168 đường Thành T, phường Đông T đã bị nhà nước thu hồi. Toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB đều đã chuyển trả nợ cho Ngân hàng. Từ năm 2015 đến nay Công ty không còn hoạt động, hiện Công ty C không còn uy tín, không còn tài sản nên không huy động được vốn, không có khách hàng nên không còn khả năng để phục hồi sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ. Đại diện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa tham gia phiên họp cũng xác nhận:

Cho đến thời điểm hiện nay toàn bộ các tài sản mà Công ty C thế chấp để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng từ trước đều đã được đưa ra xử lý, song do hao mòn tự nhiên và do yếu tố thị trường nên tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ. Ngân hàng cũng không đưa

ra được phương án nào để có thể hỗ trợ cho Công ty C phục hồi được hoạt động sản xuất kinh doanh.

Từ thực trạng nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 87, điểm a khoản 2 Điều 107 Luật Phá sản ra Quyết định tuyên bố phá sản đối với Công ty C là đúng pháp luật, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận đơn khiếu nại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

(3) Về tư cách tham gia trong vụ phá sản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là “chủ nợ không có bảo đảm” là không chính xác, bởi các khoản nợ mà Công ty C phải trả cho Ngân hàng đều xuất phát từ các hợp đồng tín dụng và được bảo đảm bằng tài sản trên đất tại 168 Thành T, phường Đông T, tuy hiện đã bán hết để thu hồi nợ, song vẫn còn có số tiền 272.851.000đ hiện đang lưu giữ tại Ban GPMB thành phố Thanh Hóa, đây là phần còn lại liên quan đến tài sản bảo đảm đã được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục chi trả cho Ngân hàng. Do đó, cần xác định lại tư cách của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa là “chủ nợ có bảo đảm” để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng khi có căn cứ tiếp tục yêu cầu thu hồi nợ đối với Công ty C theo pháp luật.

(4) Về lệ phí phúc thẩm giải quyết khiếu nại Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên, Quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản:

1. Không chấp nhận khiếu nại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa). Giữ nguyên Quyết định tuyên bố phá sản số 02/2018/QĐ - PS ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C.

2. Xác định tư cách của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa là chủ nợ có bảo đảm.

3. Lệ phí giải quyết khiếu nại Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản:

Áp dụng tiêu mục 2, mục B, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa phải nộp 300.000đ.

**Bài học pháp lý từ tình huống:** Trong vụ việc nêu trên, Công ty C đã lâm vào tình trạng phá sản và không xây dựng được phương án phục hồi kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất thông qua, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã Quyết định tuyên bố phá sản Công ty C. Do vậy, doanh nghiệp cần lưu ý nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá thời hạn 3 tháng mà bị nộp Đơn yêu cầu tuyên bố phá sản và doanh nghiệp không muốn bị tuyên bố phá sản, đồng thời được Hội nghị chủ nợ nhất trí áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp thì trong thời hạn 30 ngày doanh nghiệp phải xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh mang tính khả thi và bảo đảm đầy đủ các nội dung được quy định tại Điều 88 của Luật Phá sản.

## **VIII. TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN**

### **1. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn**

Trường hợp Tòa án nhân dân xét thấy doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau thì Tòa án thông báo cho người tham gia thủ tục phá sản biết về việc Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn. Theo quy định tại khoản Điều 105 Luật Phá sản 2014, Tòa án nhân dân giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với các trường hợp sau:

+ Trường hợp 1: Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 của Luật Phá sản mà doanh nghiệp mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản;

+ Trường hợp 2: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà doanh nghiệp mất khả năng thanh toán không còn tài sản để thanh toán chi phí phá sản.



Khác với trình tự thủ tục phá sản bình thường, phá sản theo thủ tục rút gọn được Tòa án tuyên bố nhanh, vào thời điểm thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và Tòa án xét thấy doanh nghiệp mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, và thanh toán chi phí phá sản.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân thông báo giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn cho người tham gia thủ tục phá sản biết, Tòa án xem xét và tuyên bố doanh nghiệp phá sản ngay hoặc tiếp tục giải quyết theo thủ tục thông thường và thông báo cho người tham gia thủ tục phá sản biết.

*Lưu ý:* Trường hợp Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản theo trường hợp 2 ở trên, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không được hoàn lại lệ phí phá sản và tiền tạm ứng chi phí phá sản đã nộp.

Sau khi tuyên bố doanh nghiệp phá sản, doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **2. Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả họp Hội nghị chủ nợ, Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 80, khoản 4 Điều 83 và khoản 7 Điều 91 của Luật Phá sản .

## **3. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ đề nghị tuyên bố phá sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 83 của Luật Phá sản thì Tòa án nhân dân xem xét quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

- Sau khi Hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản:

+ Doanh nghiệp không xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật này;

+ Hội nghị chủ nợ không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Doanh nghiệp không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

#### **4. Nghĩa vụ về tài sản sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

- Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản quy định tại các Điều 105, 106 và 107 của Luật Phá sản không miễn trừ nghĩa vụ về tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh đối với chủ nợ chưa được thanh toán nợ, trừ trường hợp người tham gia thủ tục phá sản có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Nghĩa vụ về tài sản phát sinh sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được giải quyết theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **5. Đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản**

- Những người được thông báo quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

- Thời hạn đề nghị xem xét lại, kháng nghị là 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được thông báo hợp lệ quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân đã ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải gửi hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp để xem xét, giải quyết.

## **6. Giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản**

- Ngay sau khi nhận được hồ sơ về phá sản kèm theo đơn đề nghị, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định một tổ gồm 03 Thẩm phán xem xét, giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Tòa án nhân dân chuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải trả lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị, kháng nghị, Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp và ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đơn đề nghị, kháng nghị và giữ nguyên quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Sửa quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

c) Hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại.

- Phiên họp của Tổ Thẩm phán có Viện kiểm sát nhân dân tham gia và có Thư ký Tòa án nhân dân ghi biên bản phiên họp; trường hợp cần thiết, Tòa án nhân dân triệu tập người đề nghị, người khác có liên quan tham gia phiên họp để trình bày ý kiến.

- Quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị của Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

## **7. Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp ra quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị theo Điều 112 của Luật Phá sản mà có đơn đề nghị xem xét lại của người tham gia thủ tục phá sản, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc kiến nghị của Tòa án nhân dân thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại quyết định đó khi có một trong các căn cứ sau:

+ Có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về phá sản;

+ Phát hiện tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định tuyên bố phá sản mà Tòa án nhân dân, người tham gia thủ tục phá sản không thể biết được khi Tòa án nhân dân ra quyết định.

- Trường hợp có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu Tòa án nhân dân đã ra quyết định giải quyết đề nghị, kiến nghị theo Điều 112 của Luật Phá sản chuyển hồ sơ vụ việc phá sản cho Tòa án nhân dân tối cao để xem xét giải quyết.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có quyền ra một trong các quyết định sau:

+ Không chấp nhận đề nghị xem xét lại, kiến nghị và giữ nguyên quyết định của Tòa án nhân dân cấp dưới;

+ Hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án nhân dân cấp dưới, quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị của Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp và giao hồ sơ về phá sản cho Tòa án nhân dân cấp dưới giải quyết lại.

- Quyết định giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

## **IX. XỬ LÝ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP CÓ TRANH CHẤP**

### **1. Xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

- Trong quá trình giải quyết phá sản của doanh nghiệp mà phát sinh tranh chấp về tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, Tòa án nhân dân đang giải quyết vụ việc phá sản phải xem xét tách phần tài sản đang tranh chấp để giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án nhân dân giải quyết tranh chấp tài sản theo quy định nêu trên thì Tòa án nhân dân giải quyết phá sản xử lý tài sản như sau:

+ Trước khi có quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản có được từ bản án, quyết định có hiệu lực được nhập vào tài sản của doanh nghiệp;

+ Sau khi có quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản có được từ bản án, quyết định có hiệu lực được phân chia theo quyết định tuyên bố phá sản trước đó.

- Việc tách tài sản đang tranh chấp thành vụ án khác được thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản.

- Khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia giải quyết tranh chấp về tài sản.

## **2. Xử lý trường hợp có tranh chấp tài sản trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản**

- Quá trình thực hiện việc thanh lý tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản mà có tranh chấp hoặc không thể thi hành được thì Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản đề nghị Tòa án nhân dân đã giải quyết vụ việc phá sản xem xét.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản, Tòa án nhân dân phải xem xét ra một trong các văn bản sau:

+ Văn bản trả lời không chấp nhận đề nghị của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản;

+ Chuyển đơn đề nghị đến người có thẩm quyền để xem xét kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, người tham gia thủ tục phá sản không đồng ý với văn bản trả lời nêu trên thì có quyền đề nghị người có thẩm quyền xem xét kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia giải quyết tranh chấp về tài sản.

## **X. THỦ TỤC PHÁ SẢN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

### **1. Người tham gia thủ tục phá sản là người nước ngoài**

Người tham gia thủ tục phá sản là người nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản của Việt Nam.

### **2. Ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Việt Nam đối với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài**

- Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân thực hiện ủy thác tư pháp theo hiệp định tương trợ tư pháp mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Thủ tục ủy thác tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, pháp luật về tương trợ tư pháp.

### **3. Thủ tục công nhận và cho thi hành quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài**

Việc công nhận và cho thi hành quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài được thực hiện theo quy định của hiệp định tương trợ tư pháp mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định khác của pháp luật về tương trợ tư pháp.

## **XI. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN**

### **1. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản**

Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản, pháp luật về thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **2. Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành, phân công Chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

- Sau khi nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

+ Giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản;

+ Thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản trong vụ việc phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;

+ Sau khi nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về kết quả thanh lý tài sản, Chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

### **3. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản.

- Văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản phải được gửi cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, người tham gia thủ tục phá sản.

- Tài sản mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện được việc thanh lý sau 02 năm kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải chấm dứt việc thanh lý tài sản và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của doanh nghiệp phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật.

### **4. Định giá tài sản**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Khi ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không được ký hợp đồng thẩm định giá với cá nhân, tổ chức mà mình có quyền, lợi ích liên quan.

- Trường hợp tài sản thanh lý có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản xác định giá trị tài sản và thanh lý theo quy định của pháp luật.

### **5. Định giá lại tài sản**

- Việc định giá lại tài sản được thực hiện khi có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 122 của Luật Phá sản dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản.

- Thẩm phán quyết định định giá lại đối với trường hợp bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật Phá sản. Chấp hành viên quyết định định giá lại đối với trường hợp thanh lý tài sản.

### **6. Bán tài sản**

- Tài sản được bán theo các hình thức sau:

+ Bán đấu giá;

+ Bán không qua thủ tục đấu giá.

- Việc bán đấu giá đối với tài sản là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng và bất động sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền thỏa thuận với tổ chức bán đấu giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày định giá. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với tổ chức bán đấu giá.

Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thỏa thuận được thì Chấp hành viên lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản.

Việc ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản được tiến hành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định giá.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản.



- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán đấu giá tài sản thanh lý trong các trường hợp sau:

+ Tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;

+ Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày định giá hoặc từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bán đấu giá từ chối bán đấu giá.

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Phá sản .

Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản hoặc quyết định bán tài sản.

- Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

### **7. Thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm**

- Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên đề nghị Tòa án nhân dân ra quyết định thu hồi lại tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã do thực hiện giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 59 của Luật Phá sản. Việc thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Trường hợp có tranh chấp về thu hồi lại tài sản hay phần chênh lệch giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã thì được xử lý theo quy định tại Điều 115 của Luật Phá sản .

### **8. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản**

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không có tài sản để thanh lý, phân chia;

- Hoàn thành việc phân chia tài sản của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản;

- Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Tòa án nhân dân đã giải quyết phá sản và thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

### **9. Xử lý tài sản của doanh nghiệp phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp**

- Sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản mà phát hiện giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 59 của Luật Phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân tuyên bố giao dịch vô hiệu, xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu và phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 của Luật Phá sản .

- Sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản mà phát hiện tài sản của doanh nghiệp chưa chia thì Tòa án nhân dân đã tuyên bố phá sản xem xét và quyết định phân chia tài sản theo quy định tại Điều 54 của Luật Phá sản. Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thực hiện quyết định phân chia tài sản.

### **10. Giải quyết khiếu nại việc thi hành Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản**

Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại về việc thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo pháp luật về thi hành án dân sự.

**Tình huống:** Tại Quyết định tuyên bố phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Điều 54, 104, 108, 111, 130 của Luật Phá sản 2014 quyết định:

1. Tuyên bố phá sản đối với Công ty cho thuê tài chính II (gọi tắt là Công ty cho thuê tài chính II). Địa chỉ: 422 THĐ, phường H, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấm dứt hoạt động Công ty cho thuê tài chính II; đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp; chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, quyền lợi người lao động được giải quyết theo Điều 5 Quyết định này.

3. Chấm dứt quyền hạn của đại diện Công ty cho thuê tài chính II.

4. Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của Công ty cho thuê tài chính II theo bảng kê tài sản.

Quyền tài sản của Công ty cho thuê tài chính II được xác định theo danh sách người mắc nợ.

5. Phương án phân chia giá trị tài sản: Tài sản của Công ty cho thuê tài chính II được phân chia theo thứ tự sau:

a) Chi phí phá sản;

b) Khoản nợ lương trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động với người lao động theo danh sách người lao động chưa giải quyết chế độ .

c) Nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm và khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ.

6. Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán cho các đối tượng theo phương án phân chia nói trên thì từng đối tượng cùng một đối tượng ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

7. Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp sau khi đã thanh toán đủ các khoản nợ nói trên mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về Ngân sách nhà nước.

8. Các ông Đỗ Tất N, Lê Văn S, Võ Hồng, Lê Quang T, Vũ Quốc H là những người giữ chức vụ Chủ tịch, Thành viên Hội đồng quản trị và tổng giám đốc Công ty cho thuê tài chính II trong thời gian từ tháng 5 năm 2006, đến tháng 10 năm 2009 không được đảm đương các chức vụ đó ở bất kỳ doanh nghiệp nhà nước nào kể từ ngày Công ty cho thuê tài chính II bị tuyên bố phá sản.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về hiệu lực của quyết định, quyền yêu cầu xem xét lại, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định pháp luật.

Sau khi tuyên bố phá sản, các công ty, doanh nghiệp (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (NHNNPTNTVN), Công ty cho thuê tài chính II (ALCII), Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ khai thác thủy sản DD, Công ty TNHH Vận tải biển AC, Công

ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ, Công ty CP Lộc Phước Tiến) có đơn đề nghị xem xét lại và Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 358/QĐ-VKS-PS ngày 22/8/2018 đối với Quyết định phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyên bố phá sản đối với Công ty Cho thuê tài chính II, cụ thể như sau:

### **(1) Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Chủ nợ)**

Ngày 15/8/2018, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có văn bản số 3069/BHXH đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố phá sản liên quan đến khoản nợ có bảo đảm vay từ quỹ Bảo hiểm xã hội gồm các nội dung:

Đề nghị xem xét lại giá trị của Thư bảo lãnh thanh toán số 4407/NHNo-KHTH ngày 22/10/2008 (400 tỷ đồng);

Đề nghị ghi nhận toàn bộ số tiền ALCII vay từ Quỹ Bảo hiểm xã hội (bao gồm cả gốc và lãi phát sinh) theo 14 hợp đồng là khoản nợ có bảo đảm (vốn gốc là 1.010 tỷ đồng, ALCII đã thanh toán 240,7 tỷ đồng, còn dư nợ 769,3 tỷ đồng chưa bao gồm lãi phát sinh);

Buộc NHNNPTNTVN (Agribank) có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và hoàn trả lại số tiền ALCII còn nợ Quỹ Bảo hiểm xã hội như đã cam kết tại Thư bảo lãnh thanh toán số 800/NHNo-KHTH ngày 13/3/2008 và Thư bảo lãnh thanh toán số 1441/NHNo-KHTH ngày 22/4/2008.

### **(2) Công ty TNHH Quản lý quỹ (Chủ nợ)**

Ngày 24/8/2018, Công ty TNHH Quản lý quỹ có đơn đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố phá sản với nội dung:

Đề nghị xem xét lại ngày doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lập xong danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ để làm căn cứ ra quyết định tuyên bố phá sản đối với ALCII;

Đề nghị xem xét áp dụng Điều 101 Luật Phá sản làm căn cứ quyết định thứ tự phân chia tài sản của ALCII sau khi ALCII phá sản để đảm bảo quyền lợi của chủ nợ;

Đề nghị xem xét lại thời điểm kết thúc nghĩa vụ tính nợ lãi và số liệu nợ lãi của Công ty TNHH Quản lý quỹ theo Danh sách chủ nợ phải là ngày có quyết định tuyên bố phá sản 31/7/2018 chứ không phải thời

điểm thực hiện đối chiếu 14/11/2017, đồng thời đề nghị tính lãi bổ sung cho đến ngày 31/7/2018.

Theo Công ty TNHH Quản lý quỹ, ALCII dư nợ cụ thể như sau (tính đến 31/7/2018): Gốc: 89.800.000.000đ, Lãi: 141.684.916.665đ, Tổng: 231.484.916.665đ. Theo đó có sự chênh lệch so với Quyết định tuyên bố phá sản là 10.874.055.000đ.

### **(3) Tập đoàn Bảo Việt (Chủ nợ):**

Ngày 23/8/2018, Tập đoàn Bảo Việt có đơn đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố phá sản, nội dung tương tự Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt.

Theo Tập đoàn Bảo Việt, ALCII dư nợ cụ thể như sau (tính đến 31/7/2018):

Gốc: 253.800.000.000đ, Lãi: 564.687.247.132đ, Tổng: 818.487.247.132đ. Theo đó có sự chênh lệch so với Quyết định tuyên bố phá sản là 44.691.848.317đ

### **(4) NHNNPTNTVN:**

Ngày 15/8/2018, NHNNPTNTVN có đơn đề nghị xem xét lại số 7859/NHNo-PC đề nghị xem xét lại danh sách chủ nợ có đảm bảo được niêm yết ngày 31/7/2018 kèm theo Quyết định phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS với nội dung đề nghị công nhận toàn bộ các khoản vay của ALCII với Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại 14 hợp đồng vay vốn là nợ không có bảo đảm và Bảo hiểm xã hội Việt Nam là chủ nợ không có bảo đảm với khoản vay này với lý do: Theo Luật Bảo hiểm xã hội 2006 và các văn bản pháp luật khác thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ được cho ngân hàng thương mại nhà nước vay nhưng ALCII là tổ chức tín dụng phi ngân hàng do đó giao dịch vay vốn là trái quy định; Giao dịch vay vốn giữa Bảo hiểm xã hội Việt Nam với ALCII có nội dung không phù hợp với thư bảo lãnh của Agribank do đây là thư bảo lãnh thanh toán chứ không phải thư bảo lãnh vay vốn, chỉ bảo lãnh gửi tiền và nhận tiền gửi, 14 hợp đồng vay vốn không căn cứ vào thư bảo lãnh mà căn cứ vào Bản thỏa thuận 01; Kết luận giám định liên bộ Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính kết luận Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải tự chịu trách nhiệm về các hợp đồng vay giữa Bảo hiểm xã hội Việt Nam

và ALCII, không buộc Agribank chịu trách nhiệm bảo lãnh các hợp đồng vay đó.

### **(5) Công ty Cho thuê tài chính II:**

Ngày 15/8/2018, Công ty Cho thuê tài chính II có đơn đề nghị xem xét lại số 287/2018/ALCII-TH đề nghị xem xét lại Quyết định phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung:

5.1. Yêu cầu công nhận toàn bộ khoản tiền Công ty Cho thuê tài chính II nợ Bảo hiểm xã hội Việt Nam là nợ không có bảo đảm với lý do tương tự Agribank như đã nêu ở trên.

5.2. Đại diện Công ty Cho thuê tài chính II cho rằng Công ty Sen Việt bán đấu giá tàu Cát Biển, tàu Hải Minh của ALCII đứng tên sở hữu, trả nợ, đối trừ cho bên liên quan gần hết số tiền bán tàu của Công ty cho thuê tài chính II.

5.3. Về việc đề nghị điều chỉnh Danh sách người mắc nợ:

5.3.1. Đại diện Công ty cho thuê tài chính II đề nghị bổ sung thêm vào Danh sách người mắc nợ STT 702 trang 110: Công ty TNHH TM DV KTTS DD HĐCT số 087/07/ALCII-HĐ với số tiền tính đến 31/10/2017 là 164.235.808.538 đồng (gốc 61.834.620.076đ, lãi 102.401.188.462đ). Nợ có bảo đảm, thế chấp là căn nhà số 170/59 đường Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký thế chấp, chưa đăng ký giao dịch bảo đảm. Bên thuê đã mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm lại giấy nhưng không giao lại cho ALCII.

5.3.2. Đại diện Công ty Cho thuê tài chính II đề nghị bổ sung điều chỉnh tăng thêm danh sách người mắc nợ:

Công ty TNHH Vận tải biển HN (không có trong danh sách niêm yết). ALCII đề nghị bổ sung Công ty TNHH Vận tải biển HN vào danh sách người mắc nợ, theo HĐCT tài chính số 136/07/ALCII-HĐ tổng số nợ tính đến ngày 30/7/2018 là 160.051.881.717 đồng (gốc 63.481.128.971 đồng, lãi 96.570.752.746 đồng).

Công ty TNHH Đầu tư xây dựng LA (không có trong danh sách niêm yết): Tổng số nợ tính đến ngày 31/10/2017 là 2.765.666.732 đ, trong đó: nợ gốc là 886.400.000 đồng; lãi 1.897.266.732 đồng. Nợ có bảo

đảm: Tài sản thế chấp là 02 QSDĐ số AB 368476 và số AB 368477 do UBND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp. Khoản nợ trên đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bù trừ nợ với nhóm ông Lê Xuân Ninh mà Công ty cho thuê tài chính II không nhận được hồ sơ tài liệu nào liên quan đến việc đòi trừ nợ trên.

Ông Lâm Duy M (không có trong danh sách niêm yết): Tổng số nợ tính đến ngày 31/10/2017 là 1.145.344.879 đồng, trong đó: Nợ gốc: 264.133.407 đồng, lãi 881.211.472 đồng. Tài sản bảo đảm là thế chấp quyền sử dụng đất số AB 368475 do UBND huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/3/2005. Trước đó, TATP bù trừ với nhóm ông Lê Xuân Ninh mà Công ty Cho thuê tài chính II không nhận được hồ sơ tài liệu nào liên quan đến việc đòi trừ số nợ trên.

Công ty TNHH XNK GB (không có trong danh sách niêm yết): Tổng số nợ tạm tính đến ngày 31/10/2017 là 2.903.294.456 đồng, trong đó: nợ gốc 1.018.495.502 đồng; lãi 1.884.798.954 đồng. Nợ có bảo đảm là thế chấp QSDĐ số W 366642 do UBND huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai cấp 28/01/2003.

Công ty CP XD-TM-XNK HG (không có trong danh sách niêm yết). Tổng số nợ tính đến ngày 31/10/2017 là 12.835.515.989 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.383.380.831 đồng, lãi 7.452.135.158 đồng.

### 5.3.3. Đại diện ALCII đề nghị điều chỉnh giảm:

Công ty TNHH VTB TL: Giảm bớt số tiền 600.000.000 đồng trong khoản “nợ khác”: 10.219.000.000 đồng - 600.000.000 đồng = 9.619.000.000 đồng, do trùng với “Danh sách người mắc nợ liên quan đến bản án hình sự” STT “05” trang 01.

Công ty TNHH VTB TP (STT 114 trang 19): Giảm bớt số tiền 500.932.253 đồng trong khoản “Nợ khác”: 12.280.000.000 đồng - 500.932.253 đồng = 11.779.067.747 đồng, do trùng với “Danh sách người mắc nợ liên quan đến bản án hình sự” STT “06” trang 02.

**(6) Công ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ (người mắc nợ):** Ngày 12/8/2018 Công ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ có đơn đề nghị xem xét lại đề nghị xem xét lại một phần Quyết định phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung không đồng ý số nợ theo danh sách người

mắc nợ số nợ là 43.620.567.963đ trong đó gốc 18.812.564.076đ, lãi 24.808.003.887đ do theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 130/05/ALCII-HĐ ngày 16/6/2005 giá trị 18.900.000.000đ, TBĐ đã thanh toán 12.157.498.059đ, nên nợ gốc và lãi còn lại chỉ là 6.742.501.941đ.

**(7) Công ty TNHH TM DV khai thác thủy sản DD (người mắc nợ):** Ngày 15/8/2018, Công ty TNHH TM DV khai thác thủy sản DD có Đơn đề nghị xem xét lại đề nghị xem xét lại một phần Quyết định phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung không đồng ý số nợ theo danh sách người mắc nợ số nợ 39.974.137.192đ trong đó gốc 13.878.895.039đ, lãi 19.990.939.445đ do tổng giá trị HĐ là 16,83 tỷ đồng, DD đã thanh toán 12.532.000.000 đồng, nên nợ gốc và lãi còn lại chỉ là 4.298.000.000đ.

**(8) Công ty TNHH Vận tải biển AC (người mắc nợ):** Ngày 15/8/2018, Công ty TNHH vận tải biển AC có Đơn đề nghị xem xét lại một phần Quyết định phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung không đồng ý số nợ theo danh sách người mắc nợ số nợ 14.564.668.028đ, gốc 0 đ, lãi 14.564.668.028đ, đề nghị ghi nhận Công ty TNHH vận tải biển AC không mắc nợ ALCII.

**(9) Kháng nghị số 358/QĐ-VKS-PS ngày 22/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Kháng nghị về khoản nợ của chủ nợ Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo hướng xác định Bảo hiểm xã hội Việt Nam là chủ nợ không có bảo đảm đối với khoản nợ 862.639.847.220đ do toàn bộ các hợp đồng vay vốn vô hiệu từ khi xác lập.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau:

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; kiến nghị của Công ty Cho thuê tài chính II, NHNNPTNTVN, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Công ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ, Công ty TNHH TM-DV Khai thác thủy sản DD, Công ty TNHH Vận tải biển AC đối với Quyết định tuyên bố phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.



- Không chấp nhận kiến nghị của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Sửa một phần Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng:

+ Hủy, đình chỉ việc giải quyết khoản nợ của ALCII đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo thủ tục phá sản, chuyển cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong Vụ án hình sự xảy ra tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

+ Hủy khoản nợ giữa Công ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ, Công ty TNHH TM-DV Khai thác thủy sản DD và Công ty TNHH vận tải biển AC và ALCII, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung.

+ Điều chỉnh giảm nợ (trong danh sách người mắc nợ), cụ thể:

Công ty TNHH VTB TL: Giảm bớt số tiền 600.000.000 đồng trong khoản “nợ khác”: 10.219.000.000 đồng - 600.000.000 đồng = 9.619.000.000 đồng, do trùng với “Danh sách người mắc nợ liên quan đến bản án hình sự” STT “05” trang 01.

Công ty TNHH VTB TP (STT 114 trang 19): Giảm bớt số tiền 500.932.253 đồng trong khoản “Nợ khác”: 12.280.000.000 đồng - 500.932.253 đồng = 11.779.067.747 đồng, do trùng với “Danh sách người mắc nợ liên quan đến bản án hình sự” STT “06” trang 02.

+ Áp dụng Điều 101 Luật Phá sản, sửa Mục 5 Quyết định tuyên bố phá sản. Phương án phân chia giá trị tài sản: Tài sản của Công ty Cho thuê tài chính II được phân chia theo thứ tự sau:

a) Chi phí phá sản;

b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

c) Khoản tiền gửi; khoản tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả cho người gửi tiền tại tổ chức tín dụng phá sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

**Hỏi:** Đơn đề nghị xem xét lại của các chủ nợ, người mắc nợ và kháng nghị của Việt Kiểm sát có được chấp nhận không ?

## **PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÀY 6 THÁNG 6 NĂM 2019**

**Trên cơ sở các tài liệu có trong Hồ sơ yêu cầu mở thủ tục phá sản Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ chí Minh xét thấy:**

(1) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn yêu cầu tuyên bố phá sản của Công ty Cho thuê tài chính do mất khả năng thanh toán và tiến hành giải quyết thủ tục phá sản là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 8 Luật Phá sản 2014.

(2) Công ty cho thuê tài chính II là tổ chức tín dụng phi Ngân hàng, nhưng được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Vì vậy, Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng Điều 54 của Luật Phá sản 2014 để xác định thứ tự phân chia tài sản là phù hợp.

(3) Theo Quyết định tuyên bố phá sản số 1009/2018/QĐ-TBPS ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung xác định: Bảo hiểm xã hội Việt Nam là chủ nợ đối với khoản nợ 1.651.125.209.223 đồng, gồm nợ có bảo đảm 862.639.847.220 đồng (trong đó nợ gốc 446.000.000.000 đồng, nợ lãi 416.639.847.220 đồng); nợ không có bảo đảm 788.485.362.003 đồng (trong đó nợ gốc 323.300.000.000 đồng, nợ lãi 465.185.362.003 đồng) thì thấy:

(3.1). Xét việc NHNNPTNTVN (Agribank), ALCII, có Đơn đề nghị xem xét lại và kháng nghị số 358/QĐ-VKS-PS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng hợp đồng vay giữa Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Công ty cho thuê tài chính II là các giao dịch trái với quy định của pháp luật, không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ thì thấy:

- Công ty Cho thuê tài chính II là Công ty trực thuộc của Agribank.

- Theo biên bản thỏa thuận ngày 25/12/2003, giữa Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Agribank có nội dung: Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho Agribank các Công ty trực thuộc của Agribank vay quỹ Bảo hiểm xã hội; Agribank chịu trách nhiệm toàn bộ về việc vay, sử dụng và hoàn trả gốc và lãi vay;

- Căn cứ Tờ trình số 323/08/ALCII-TH ngày 11/3/2008 và Tờ trình số 534/08/ALCII-TH ngày 21/4/2008 của ALCII; Agribank đã phát 02 thư bảo lãnh thanh toán số 800/NHNo-KHTH ngày 13/3/2008 và thư bảo lãnh thanh toán số 1441/NHNo-KHTH ngày 24/4/2008. Nội dung 02 thư bảo lãnh thanh toán thể hiện:

Tổng số tiền cho Công ty Cho thuê tài chính II vay là 1.300 tỷ đồng; Công ty Cho thuê tài chính II được chủ động làm việc với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để nhận tiền vay.

Do đó, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho Công ty Cho thuê tài chính II là công ty trực thuộc của Agribank vay tiền, được sự bảo lãnh thanh toán nợ vay của Agribank là đúng pháp luật, đúng theo nguyên tắc tự thỏa thuận theo quy định tại Điều 4 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 5 Điều 90 Luật Bảo hiểm xã hội 2006; nên đơn đề nghị xem xét lại của Agribank, Công ty Cho thuê tài chính II và kháng nghị số 358/QĐ-VKS-PS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung này không được chấp nhận.

(3.2). Theo 02 thư bảo lãnh thanh toán số 800/NHNo-KHTH ngày 13/3/2008 và thư bảo lãnh thanh toán số 1441/NHNo-KHTH ngày 24/4/2008 của Agribank thì ALCII còn nợ BHXH Việt Nam 446.000.000.000 đồng nợ gốc và 416.639.847.220 đồng nợ lãi. Ngày 22/10/2008, Agribank phát hành thư bảo lãnh thanh toán số 4407/NHNo-KHTH có nội dung rút hạn mức bảo lãnh cho ALCII xuống còn 400 tỷ đồng và hủy bỏ 02 thư bảo lãnh thanh toán số 800/NHNo-KHTH ngày 13/3/2008 và thư bảo lãnh thanh toán số 1441/NHNo-KHTH ngày 24/4/2008; dù Agribank và BHXH Việt Nam chưa thống nhất thư bảo lãnh thứ 3 nhưng BHXH Việt Nam vẫn tiếp tục cho Công ty Cho thuê tài chính II vay 323.300.000.000 đồng nợ vốn và 465.185.362.003 đồng nợ lãi. Do đó, cấp sơ thẩm xác định Công ty Cho thuê tài chính II còn nợ BHXH Việt Nam 1.651.125.209.223 đồng; trong đó nợ có bảo đảm: 862.639.847.220 đồng, nợ gốc 446.000.000.000 đồng và nợ lãi

416.639.847.220 đồng; nợ không có bảo đảm 788.485.362.003 đồng, nợ gốc 323.300.000.000 đồng, nợ lãi 465.185.362.003 đồng là có căn cứ. Đối với khoản nợ có bảo đảm, Agribank có trách nhiệm thanh toán cho BHXH Việt Nam.

(4) Đối với yêu cầu của Công ty Cho thuê tài chính II đề nghị điều chỉnh tăng danh sách người mắc nợ đối với Công ty TNHH Vận tải biển HN, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng LA, ông Lâm Duy M, Công ty TNHH Đầu tư XNK GB, Công ty TNHH CP TM XNK HG thì quá trình giải quyết của Tổ thẩm phán, Quản tài viên và Công ty Sen Việt tiến hành đúng quy định và đồng ý cho các bên đối trừ nợ, không có trong danh sách niêm yết là phù hợp nên không có căn cứ xem xét lại.

Đối với yêu cầu của Công ty Cho thuê tài chính II đề nghị giảm nợ cho Công ty TNHH VTB TL, Công ty TNHH VTB TP, với lý do trùng với danh sách người mắc nợ liên quan đến bản án hình sự STT “05” trang 1 và STT “06” trang 2, yêu cầu này sẽ được xem xét theo pháp luật thi hành án dân sự.

Đối với yêu cầu của Công ty Cho thuê tài chính II có liên quan đến Công ty TNHH TM-DV khai thác thủy sản DD, Công ty TNHH Vận tải biển AC, Công ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ; cũng như đơn đề nghị xem xét lại của Công ty TNHH TM-DV khai thác thủy sản DD, Công ty TNHH Vận tải biển AC, Công ty TNHH Dịch vụ khai thác thủy sản TBĐ đối với nợ của Công ty Cho thuê tài chính II: Quá trình đối chiếu nợ, phía Công ty Sen Việt xác định chưa thu thập đầy đủ số liệu; có tài liệu chứng cứ mới bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật thì Công ty Sen Việt sẽ điều chỉnh lại số liệu cho đúng; nếu đương sự không cung cấp được thì số liệu danh sách nợ giữ nguyên.

Đối với yêu cầu xem xét lại của Công ty CP Lộc Phước Tiên là con nợ, hơn nữa quyết định tái thẩm mới phát sinh sau khi có quyết định tuyên bố phá sản, sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan, theo khoản 2 Điều 110 Luật Phá sản 2014.

Đối với các khoản nợ của Công ty Cho thuê tài chính II, cấp sơ thẩm tính lãi đến ngày công khai chốt danh sách nợ là phù hợp, không có căn cứ xem xét lại.

(5) Từ phân tích trên, Hội đồng phiên họp xem xét lại không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đơn đề nghị xem xét lại của NHNNPTNTVN, Công ty Cho thuê tài chính II, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt và kháng nghị số 358/QĐ-VKS-PS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

## **QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản 2014: Không chấp nhận đơn đề nghị xem xét lại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty cho thuê tài chính II, Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và kháng nghị số 358/QĐ-VKS-PS ngày 22/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Quyết định tuyên bố phá sản số 1009/2008/QĐ-TBPS ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ Điều 54, 104, 108, 111, 112, 130 của Luật Phá sản 2014.

1. Tuyên bố phá sản đối với Công ty Cho thuê tài chính II. Địa chỉ: 422 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấm dứt hoạt động Công ty Cho thuê tài chính II; đình chỉ giao dịch liên quan đến doanh nghiệp; chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi đối với doanh nghiệp; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động, quyền lợi người lao động được giải quyết theo điểm 5 của Quyết định này.

3. Chấm dứt quyền hạn của đại diện Công ty Cho thuê tài chính II.

4. Thanh lý tài sản và bán đấu giá tài sản còn lại của Công ty Cho thuê tài chính II theo bản kê tài sản đính kèm (Bản kê tài sản của Công ty cho thuê tài chính II)

Quyền tài sản của Công ty Cho thuê tài chính II được xác định theo danh sách người mắc nợ đính kèm (Danh sách người mắc nợ do Công ty

hợp danh quản lý và thanh lý tài sản Sen Việt lập và được niêm yết theo quy định của pháp luật).

5. Phương án phân chia giá trị tài sản: Tài sản của Công ty Cho thuê tài chính II được phân chia theo thứ tự sau:

a) Chi phí phá sản;

b) Khoản nợ lương trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động với người lao động theo danh sách người lao động chưa giải quyết chế độ đính kèm.

c) Nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm và khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ.

6. Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán cho các đối tượng theo phương án phân chia nói trên thì từng đối tượng cùng một đối tượng ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

7. Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp sau khi đã thanh toán đủ các khoản nợ nói trên mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về Ngân sách nhà nước.

8. Các ông Đỗ Tất Ngọc, Lê Văn Sở, Võ Hồng, Lê Quang Trung, Vũ Quốc Hảo là những người giữ chức vụ Chủ tịch, Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cho thuê tài chính II, không được đảm đương các chức vụ đó ở bất kỳ doanh nghiệp nhà nước nào, kể từ ngày Công ty Cho thuê tài chính II bị tuyên bố phá sản.

9. Quyết định xem xét lại có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06 tháng 06 năm 2019.

## MỤC LỤC

<b>GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH 585</b> .....	<b>1</b>
<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>3</b>
<b>PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>5</b>
<b>I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>5</b>
1. Khái niệm giải thể doanh nghiệp.....	5
2. Đặc điểm giải thể doanh nghiệp .....	5
<b>II. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>6</b>
1. Khái niệm phá sản doanh nghiệp và mất khả năng thanh toán .....	6
2. Đặc điểm phá sản doanh nghiệp.....	8
<b>III. PHÂN BIỆT GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>8</b>
1. Giống nhau .....	8
2. Khác nhau.....	9
<b>PHẦN II. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>13</b>
<b>I. CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>13</b>
1. Các trường hợp giải thể doanh nghiệp .....	13
2. Điều kiện giải thể doanh nghiệp.....	15
<b>II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP</b> ...	<b>17</b>
1. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp .....	17
2. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp.....	21
3. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể .....	22
<b>III. LƯU Ý KHI GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>25</b>
1. Lưu ý về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh .....	25
2. Lưu ý về hoàn thành các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán trước khi làm thủ tục giải thể doanh nghiệp .....	26
3. Hoàn thành nghĩa vụ thuế.....	26
4. Lưu ý về trả con dấu.....	27
<b>PHẦN III. PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP</b> .....	<b>33</b>
<b>I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>33</b>
1. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản .....	33

2. Thẩm quyền giải quyết phá sản.....	34
3. Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật phá sản .....	39
4. Phí và chi phí trong thủ tục phá sản .....	43
<b>II. NỘP ĐƠN VÀ THỰC LÝ ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN</b>	<b>44</b>
1. Soạn thảo Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản .....	44
2. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản .....	47
3. Xử lý, thực lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.....	47
4. Thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.....	48
<b>III. MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN.....</b>	<b>49</b>
1. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản .....	49
2. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.....	50
3. Các hoạt động của doanh nghiệp sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản .....	53
4. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản.....	54
<b>IV. NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN.....</b>	<b>55</b>
1. Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản .....	55
2. Xác định tiền lãi đối với khoản nợ .....	55
3. Xử lý khoản nợ có bảo đảm.....	56
4. Thứ tự phân chia tài sản .....	56
5. Nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh....	57
6. Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản ....	58
7. Trả lại tài sản nhận bảo đảm.....	58
8. Nhận lại hàng hóa đã bán .....	58
<b>V. CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN.....</b>	<b>60</b>
1. Giao dịch bị coi là vô hiệu và tuyên bố giao dịch vô hiệu .....	60
2. Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực .....	62
3. Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện .....	63
4. Bù trừ nghĩa vụ.....	63
5. Tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.....	64



6. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán .....	65
7. Gửi giấy đòi nợ, lập danh sách chủ nợ, danh sách người nợ.....	65
8. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán	67
9. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.....	67
10. Xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc .....	68
11. Giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc.....	69
12. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp có tài khoản.....	70
13. Nghĩa vụ của người lao động .....	70
<b>VI. HỘI NGHỊ CHỦ NỢ.....</b>	<b>70</b>
1. Triệu tập và gửi thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ .....	70
2. Quyền tham gia Hội nghị chủ nợ .....	71
3. Nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ .....	71
4. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ.....	72
5. hoãn Hội nghị chủ nợ .....	72
6. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ .....	72
7. Ban đại diện chủ nợ.....	74
8. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ.....	74
9. Đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ.....	75
10. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản .....	75
<b>VII. THỦ TỤC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....</b>	<b>76</b>
1. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh .....	77
2. Nội dung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh .....	77
3. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.....	77
4. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã .....	78
5. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh .....	78
6. Công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.....	79
7. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.....	80
8. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh .....	80

9. Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh .....	80
10. Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh .....	81
<b>VIII. TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP PHÁ SẢN.....</b>	<b>86</b>
1. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn .....	86
2. Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành .....	87
3. Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ.....	87
5. Đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản .....	88
6. Giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản.....	89
7. Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt .....	89
<b>IX. XỬ LÝ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP CÓ TRANH CHẤP .....</b>	<b>90</b>
1. Xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản .....	90
2. Xử lý trường hợp có tranh chấp tài sản trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản .....	91
<b>X. THỦ TỤC PHÁ SẢN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI.....</b>	<b>92</b>
1. Người tham gia thủ tục phá sản là người nước ngoài .....	92
2. Ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Việt Nam đối với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.....	92
3. Thủ tục công nhận và cho thi hành quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài .....	92
<b>XI. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN.....</b>	<b>92</b>
1. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản.....	92
2. Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản.....	92
3. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản.....	93
4. Định giá tài sản.....	93
5. Định giá lại tài sản.....	94
6. Bán tài sản .....	94

7. Thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm .....	95
8. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản .....	95
9. Xử lý tài sản của doanh nghiệp phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp .....	96
10. Giải quyết khiếu nại việc thi hành Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản .....	96

**GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP –  
NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý**

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG**

**Trụ sở:** 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 3934 1562     **Fax:** (024) 3824 2551

**Website:** <http://nhaxuatbancongtuong.com.vn>

**Email:** [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

***Chịu trách nhiệm xuất bản***

Giám đốc - Tổng biên tập

**Nguyễn Minh Huệ**

Biên tập: Trương Hữu Thắng

Chế bản: Trung tâm hỗ trợ pháp luật và  
phát triển nguồn nhân lực lực

Trình bày bìa: Công ty cổ phần in và dịch vụ văn  
phòng Tân Đại Việt

---

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty cổ phần in và dịch vụ văn  
phòng Tân Đại Việt

Địa chỉ: Số 16 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3283-2020/CXBIPH/01-99/CT.

Số Quyết định xuất bản: 185A/QĐ-NXBCT cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2020.

Mã số ISBN: 978-604-9963-60-5